

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ NGA TIẾN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: /BC-UBND

Nga Tiến, ngày 21 tháng 06 năm 2018

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU  
DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG**

Xã Nga Tiến, Huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội. Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và là đầu vào cho dự án GCF.

**A. GIỚI THIỆU CHUNG**

- Vị trí địa lý:** Nga Tiến nằm ở phía Đông cách trung tâm huyện Nga Sơn 7 km, Phía Bắc giáp Nga Thái, Phía Nam giáp Nga Tân, Phía Tây giáp Nga Liên, Phía Đông giáp xã Kim Hải, huyện kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, phía Đông Nam giáp với lạch Càn (cửa biển)
- Địa hình:** Xã Nga Tiến là xã vùng đồng bằng ven biển, có độ dốc từ phía Tây Bắc sang Đông Nam được chia thành 2 phần, phần có diện tích cao hơn là toàn bộ khu dân cư từ xóm 1 đến xóm 8 tiếp giáp với xã Nga Thái, Nga Liên. Phần diện tích thấp hơn là xóm 9, xóm 10, từ sông 10 của xã dốc ra đê Ngự Hàm 3.

**3. Đặc điểm thời tiết khí hậu**

TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	22-23 <sup>0</sup> C		Tăng 2,1 <sup>0</sup> C (Giá trị dao động khoảng 1,4 - 3.2 <sup>0</sup> C)
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	42 <sup>0</sup> C	6, 7, 8	Tăng thêm khoảng 2,0-2,4 <sup>0</sup> C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	5-6 <sup>0</sup> C	11,12,1	Giảm thêm khoảng 2,0-2,4 <sup>0</sup> C
4	Lượng mưa Trung bình	mm	1.700	6,7,8,9, 10,11,12	Tăng thêm khoảng 18,6 mm (Dao động trong khoảng 13,0-24,5mm)

(\*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật.

**4. Xu hướng thiên tai, khí hậu**

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5(*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lụt			X	
4	Số ngày rét đậm			X	

5	Mực nước biển tại các trạm hải văn				
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	Khoảng 1,43 diện tích tương đương khoảng 8,33 ha
7	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sạt lún đất, động đất, sóng thần)			X	

(\*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật.

### 5. Hiện trạng sử dụng đất đai<sup>1</sup>

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>	582,08
<b>1</b>	<b>Nhóm đất Nông nghiệp</b>	353
<b>1.1</b>	<b>Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp</b>	256
1.1.1	Đất lúa nước	113
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	45
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác (cói)	98
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	0
<b>1.2</b>	<b>Diện tích Đất lâm nghiệp</b>	0
1.2.1	Đất rừng sản xuất	0
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	0
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0
<b>1.3</b>	<b>Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản</b>	92
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	72
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	20
<b>1.4</b>	<b>Đất làm muối</b>	0
<b>1.5</b>	<b>Diện tích Đất nông nghiệp khác</b> (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	5

<sup>1</sup> Phân loại theo luật đất đai 2013

2	Nhóm đất phi nông nghiệp	218,07
3	Diện tích Đất chưa sử dụng	11,01
	Số phần trăm vợ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng - Đất nông nghiệp - Đất ở	50%

## 6. Hiện trạng Dân số

TT	Thôn	Số hộ			Số khẩu		
		Tổng số (của xóm)	Nghèo	Cận nghèo	Tổng	Nam	Nữ
1	Xóm 1	112	16	13	431	218	213
2	Xóm 2	71	7	9	324	167	157
3	Xóm 3	101	8	22	413	221	192
4	Xóm 4	103	14	18	438	219	219
5	Xóm 5	90	10	13	319	196	123
6	Xóm 6	95	8	14	373	188	185
7	Xóm 7	203	11	18	771	391	380
8	Xóm 8	206	25	31	879	446	433
9	Xóm 9	183	20	18	813	390	423
10	Xóm 10	210	37	57	996	532	464
	<b>Tổng</b>	<b>1.374</b>	<b>156</b>	<b>213</b>	<b>5.757</b>	<b>2.968</b>	<b>2.789</b>

## 7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ (triệu đồng/năm)	Tỉ lệ % phụ nữ tham gia
1	Trồng trọt	21,1	1.345	21,6	50
2	Chăn nuôi	4,7	275	23,6	40
3	Nuôi trồng thủy sản	5,1	82	85,8	20
4	Đánh bắt hải sản	5,7	71	110,8	0
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)	18,1	687	36,3	80
6	Buôn bán	15,1	215	96,9	10

7	Du lịch	0	0	0	0
8	Ngành nghề khác: Đi làm thuê: thợ nề, dịch vụ vận tải, v.v	30,2	1091	38,2	50

## B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH

### 1. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH:



Căn cứ việc xác định vùng nguy cơ cao của các loại thiên tai và vùng an toàn có thể làm nơi sơ tán trên sơ họa bản đồ RRTT của người dân các cụm xóm, thì địa hình xã Nga Tiến được chia thành 3 vùng rõ rệt. Vùng xóm 1, xóm 2 địa hình cao hơn chủ yếu bị ảnh hưởng thiên tai hạn hán và nhiễm mặn có một điểm nguy cơ cao của thiên tai Bão, Lụt nhưng không có vùng an toàn; Vùng xóm 2, xóm 3, xóm 4, xóm 5, xóm 6, xóm 7, xóm 8 là trung tâm

của xã, vùng nguy cơ cao của các thiên tai ít hơn lại có nhiều vùng an toàn để sơ tán; Còn vùng xóm 9, xóm 10 địa hình thấp giáp với Lạch Càn (cửa biển) có nhiều vùng nguy cơ cao của các loại thiên tai nhưng chỉ có một nhà thờ có thể làm nơi sơ tán.

## 2. Tóm tắt kết quả vùng nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên sơ họa bản đồ RRTT

S T T	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến (Bão, Lũ, Hạn, Nước Biển dâng, v.v.)	Thôn có nguy cơ xảy ra thiên tai	Mức độ đã xảy ra (Cao, Thấp, Trung bình – dựa vào so sánh giữa các thôn)	Xu hướng thiên tai (tăng lên, giữ nguyên, giảm đi)
1	Bão	10/10 xóm	Mức độ cao	Tăng theo các năm, ngày càng nhiều, mạnh hơn, bất thường, không theo quy luật
2	Lụt	10/10 xóm	Mức độ cao	Tăng theo các năm, ngập sâu hơn, kéo dài hơn
3	Hạn Hán, nhiễm mặn	Xóm 1, xóm 2	Mức độ cao	Tăng dần theo năm, nhiệt độ tăng cao, nắng nóng gay gắt, kéo dài từ tháng 4 đến tháng 8. Hạn hán gây nhiễm mặn trên diện rộng
		Xóm 3, xóm 4, xóm 5, xóm 6, xóm 7, xóm 8	Mức độ trung bình	Giữ nguyên, do gần nguồn nước ngọt, nhưng nếu hạn hán kéo dài nhiễm mặn tăng cao, diện rộng
		Xóm 9, xóm 10	Mức độ cao	Giáp cửa biển nên nhiễm mặn trên diện rộng
4	Rét đậm, rét hại	10/10 xóm	Mức độ cao	Nhiệt độ giảm sâu 5-6 <sup>0</sup> C, kéo dài hơn, từ tháng 11 đến tháng 01 năm sau

## 3. Lịch sử thiên tai/BĐKH

Tháng /năm xảy ra	Loại thiên tai/BĐKH	Số xóm bị ảnh hưởng	Thiệt hại chính	Số lượng
7/ 2005	<b>Bão, lụt</b>	10 xóm (Từ xóm 1 đến xóm 10)	1.Số người chết/mất tích: 02	01 Nam, 01 nữ
			2. Số người bị thương: 0	Nam/nữ
			3. Số nhà bị tốc mái:	540 hộ
			4. Nhà sập hoàn toàn:	60 hộ
			4. Số trường học bị thiệt hại:	tốc mái 01 trường mầm non
			5. Trạm y tế bị tốc mái:	01 cái
			6. Số km đường bị thiệt hại:	3 km
			7. Thiệt hại đường điện:	18 cột điện và 10.000 mét dây điện
			8. Số ha rừng (vết) bị thiệt hại:	100 ha
9. Số ha ruộng bị thiệt hại:	274/274 ha			

			10. Số lưu niên bị thiệt hại:	17 ha
			11. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	500 hộ
			12. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0
			13. Các thiệt hại khác:	vỡ đê 1,5km
			14.Ước tính thiệt hại kinh tế	2.5 tỷ VNĐ
10/2017	<b>Lụt</b>	Toàn xã	Nhà bị ngập móng	80 hộ
			Diện tích trồng cói	82 ha
			Lúa	110 ha
			Hoa màu	4 ha
			Thủy sản	113
			Ước tính thiệt hại kinh tế	3.1 tỷ VNĐ
T5 đến 7/2014	<b>Hạn hạn - nhiễm mặn</b>	Toàn xã	Lúa	113 ha
			Mạ non	2,5 ha
			Cói	47 ha
			Thủy sản	70 ha
			Gia cầm, gia súc	6.000 con
			Hoa màu	3,5 ha
			Cây lâu năm	3,4
			Ước tính thiệt hại	1.6 tỷ VNĐ
T12/2014-T1/2015	<b>Rét đậm, rét hại</b>	Toàn xã	Lúa	79,1 ha
			Mạ non	2,1 ha
			Gia cầm, gia súc	7,500
			Thủy sản	80 ha
			Hoa màu	3,2 ha
			Cây lưu niên	10,2 ha
			Ước tính thiệt hại	2.4 tỷ VNĐ

#### 4. Nhóm dễ bị tổn thương

TT	Xóm	Đối tượng dễ bị tổn thương												
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-16 tuổi		Phụ nữ có thai (*)	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa		Người bị bệnh hiểm nghèo	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	1	12	27	25	51	4	21	41		41	0	0	2	4
2	2	15	29	23	45	4	13	27		27	0	0	1	3
3	3	13	29	25	52	3	20	40		40	0	0	1	2
4	4	15	34	32	69	4	16	31		31	0	0	2	3
5	5	17	35	35	72	4	20	39		39	0	0	2	4
6	6	14	31	30	62	5	14	23		23	0	0	2	3
7	7	23	50	48	95	7	27	52		52	0	0	3	5
8	8	26	50	47	99	8	46	97		97	0	0	3	6
9	9	37	77	85	178	12	30	58		58	0	0	3	6
10	10	39	81	98	199	13	34	68		68	0	0	4	8
<b>Tổng</b>		<b>211</b>	<b>443</b>	<b>447</b>	<b>922</b>	<b>64</b>	<b>241</b>	<b>476</b>		<b>476</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>23</b>	<b>44</b>

(\*) Phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi

#### 5. Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng

T	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Chất lượng chống chịu với BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Năm xây dựng	Nguy cơ xảy ra thiên tai /BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trường mầm non	Phòng	17	Cao	11 phòng 2009, 6 phòng 2018	Thấp
2	Trường học tiểu học	Phòng	19	Cao	2009	Thấp
3	Trường THCS	Phòng	5 10	Cao Trung bình	2010	Thấp Trung bình
4	Trạm y tế/ Phòng khám	Phòng	10	Cao	Khởi công xây dựng tháng 3/2018	Thấp
5	Đường điện	Km	29,4	Trung bình	1991	Cao
6	Đường giao thông	Km	30	Thấp	2005	Cao
7	Trụ sở UBND	Phòng	22	Cao	2010	Thấp
8	Nhà văn hóa xã/thôn	Nhà	11	Thấp	2009	Cao
9	Chợ	Cái	0			



**Nhận xét:** Trường mầm non, trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, các phòng học đều kiên cố; Trường THCS chưa đạt chuẩn quốc gia có 15 phòng học, trong đó 5 phòng kiên cố, 10 phòng xuống cấp. Trạm y tế chưa đạt chuẩn quốc gia, trước đây là nhà cấp 4, hiện nay đang xây dựng nhà 2 tầng gồm 10 phòng (khởi công tháng 3/2018 dự kiến hoàn thành tháng 10/2018). Đường điện "xương cá" (đường điện kéo về từng hộ dân) xuống cấp, đường dây hư hỏng, không an toàn. Đường giao thông trục chính 3,5 km hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng mất an toàn đi lại hàng ngày, khi thiên tai rất nguy hiểm. Trụ sở UBND nhà 2 tầng kiên cố; Nhà văn hóa 9 xóm (nhà cấp 4) xây dựng lâu năm đã xuống cấp không đảm bảo an toàn cho sinh hoạt cộng đồng. Không có chợ rất khó khăn cho trao đổi hàng hóa, người dân tự phát lập "chợ cóc" để mua bán thủy sản.

#### 6. Đánh giá hiện trạng nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố (mái, cột, móng, tường không kiên cố)	Nhà thiếu kiên cố	Nhà tạm bợ	Nhà ở các khu vực cần di dời (sạt lở, lũ quét, v.v)
1	Xóm 1	112	51	32	5	24	0
2	Xóm 2	71	26	21	6	18	0
3	Xóm 3	101	40	37	4	20	0
4	Xóm 4	103	44	30	5	24	0
5	Xóm 5	90	37	24	6	23	0
6	Xóm 6	95	58	13	5	19	0
7	Xóm 7	203	98	81	4	20	0
8	Xóm 8	206	100	80	5	21	0
9	Xóm 9	183	85	66	6	26	0
10	Xóm 10	210	97	84	6	23	0
<b>Tổng</b>		<b>1.374</b>	<b>636</b>	<b>468</b>	<b>52</b>	<b>218</b>	<b>0</b>

**Nhận xét:** Nhà ở của các hộ dân xã Nga Tiến đa số là xuống cấp do làm lâu ngày, thường xuyên bị ảnh hưởng của Bão, Lụt và ở gần biển độ mặn cao nên nhanh hư hỏng, nhà bán kiên cố có thể chịu đựng được Bão từ cấp 7, cấp 8, nếu Bão cấp 9 trở lên nguy cơ sập đổ cao. Nhà tạm bợ có 218 nhà, đang tiến hành xây dựng 47 nhà "nằm trong diện 48" được thể hiện trên sơ họa bản đồ (có danh sách kèm theo)

#### 7. Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BĐKH<sup>2</sup>

T	Loại nhà	Số nhà thuộc vùng <b>rủi ro cao</b> với thiên tai, BĐKH (*)	Số nhà thuộc vùng <b>rủi ro trung bình</b> với thiên tai, BĐKH (*)	Số phụ nữ, trẻ em, người già, người tàn tật <b>sống trong từng loại nhà</b>
1	Nhà tạm bợ	49	169	127
2	Nhà thiếu kiên cố	12	40	39
3	Nhà bán kiên cố	150	318	440
4	Nhà kiên cố	182	454	528
	<b>Tổng số</b>	<b>393</b>	<b>981</b>	<b>1134</b>

<sup>2</sup> Phục vụ dự án GCF



(\*) Tham khảo theo kết quả bản đồ nguy cơ rủi ro thiên tai, khí hậu

### 8. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch					Nhà vệ sinh			
		Giếng	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/nước máy/Tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)	Tự hoại	Tạm	Không có	Nguy cơ rủi ro thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)
Xóm 1	112	112	112	83	1	Trung bình	67	44	1	Cao
Xóm 2	71	71	71	71	0	Trung bình	42	31	0	Trung bình
Xóm 3	101	101	101	94	0	Trung bình	60	41	0	Trung bình
Xóm 4	103	103	103	73	0	Trung bình	61	42	0	Trung bình
Xóm 5	90	90	90	72	0	Trung bình	53	37	0	Trung bình
Xóm 6	95	95	95	76	0	Trung bình	57	38	0	Trung bình
Xóm 7	203	203	203	153	0	Trung bình	120	83	0	Trung bình
Xóm 8	206	206	206	166	0	Trung bình	123	83	0	Trung bình
Xóm 9	183	183	183	110	0	Trung bình	100	83	0	Cao
Xóm 10	210	210	210	137	0	Trung bình	125	85	0	Cao
<b>Tổng</b>	<b>1.374</b>	<b>1.374</b>	<b>1.374</b>	<b>1.035</b>	<b>1</b>		<b>808</b>	<b>565</b>	<b>1</b>	

**Nhận xét:** - Trước đây người dân chủ yếu sử dụng nước giếng đào, nhưng nguồn nước bị nhiễm phèn, nên đầu tư làm giếng khoan (vấn đề giếng đào) nhưng nguồn nước giếng khoan cũng bị ô nhiễm, xã đã xin đầu tư hệ thống nước sạch nhưng có một số hộ do không có tiền đầu nối, nhận thức còn hạn chế nên họ lại dùng nước giếng khoan và bể nước mưa để không phải đóng tiền nước và tiền điện bơm nước.

- Có 566 nhà vệ sinh làm tạm chiếm 41 %, chủ yếu là của các hộ nghèo, cận nghèo và các hộ ven biển (xóm 9, xóm 10) do thiếu kinh phí nhưng cũng do nhận thức còn hạn chế, dân trí thấp, không đồng đều.

### 9. Y tế - Hiện trạng dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Sốt xuất huyết	11	0	0	0	0
3	Viêm đường hô hấp	35	150	215	115	15
4	Tay chân miệng	2	0	0	0	0
5	Số ca bệnh phụ khoa	0	315	0	25	3

	<b>Tổng cộng</b>	<b>48</b>	<b>406</b>	<b>215</b>	<b>140</b>	<b>18</b>
--	------------------	-----------	------------	------------	------------	-----------

### 10. Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH

TT	Tên Thôn	Khả năng và kiến thức phòng ngừa dịch bệnh (Cao, Trung bình, Thấp)	Mức độ xảy ra dịch bệnh (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Xóm 1	Trung bình	Trung bình
2	Xóm 2	Trung bình	Trung bình
3	Xóm 3	Trung bình	Trung bình
4	Xóm 4	Trung bình	Trung bình
5	Xóm 5	Trung bình	Trung bình
6	Xóm 6	Trung bình	Trung bình
7	Xóm 7	Trung bình	Trung bình
8	Xóm 8	Trung bình	Trung bình
9	Xóm 9	Trung bình	Trung bình
10	Xóm 10	Trung bình	Trung bình

### 11. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH<sup>3</sup>

Loại rừng	Tổng diện tích (ha)	Diện tích rừng thuộc vùng <b>rủi ro cao</b> với thiên tai, BĐKH (*)	Diện tích rừng thuộc vùng <b>rủi ro trung bình</b> với thiên tai, BĐKH (*)
<i>Rừng ngập mặn</i>	0	0	0
<i>Rừng trên cát</i>	0	0	0
<i>Rừng tự nhiên</i>	0	0	0
<i>Rừng khác</i>	0	0	0
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng</i>	22	0	22
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng</i>	0	0	0
<b>Tổng</b>	<b>22</b>	<b>0</b>	<b>22</b>

<sup>3</sup> Phục vụ cụ thể cho dự án GCF

(\*) Là vùng khi có thiên tai (lũ, bão, hạn, cháy rừng do khô hạn, v.v.) rừng dễ bị thiệt hại, gãy đổ. Tham khảo theo kết quả bản đồ nguy cơ thiên tai, khí hậu.

**Nhận xét:** Trước đây Nga Tiến có trên 100 ha rừng ngập mặn nhưng do bão lớn, thủy triều dâng cao làm gãy đổ mất diện tích không trồng lại được, một số cây đã tự mọc và phát triển trên diện tích cũ nhưng do khai thác nuôi trồng thủy sản bị người dân chặt phá. Hiện nay còn 22 ha diện tích đất rừng ngập mặn phía ngoài đê bao có quy hoạch nhưng thiếu kinh phí chưa trồng được.

## 12. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng<sup>4</sup>

Loại rừng	Liệt kê tên các loại cây được trồng bản địa hoặc loại cây do cộng đồng đề xuất mới (nếu cần thiết)	Liệt kê 3 mô hình sinh kế trong rừng ngập mặn do cộng đồng đề xuất triển khai tại xã (ưu tiên các mô hình đã thí điểm thành công)	Số hộ đã hoặc có thể tham gia vào mỗi loại mô hình sinh kế
Rừng ngập mặn	0	0	0
Rừng trên cát	0	0	0
Rừng tự nhiên	0	0	0
Rừng khác	0	0	0
Diện tích quy hoạch trồng rừng <b>ngập mặn</b> nhưng chưa trồng	Sú, vẹt	Nuôi tôm, đánh bắt cá tự nhiên, nuôi ong vẹt	21 hộ
Diện tích quy hoạch trồng rừng <b>trên cát</b> nhưng chưa trồng	0	0	0

## 13. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động SXKD

TT	Loại hình sản xuất	Số hộ tham gia SXKD tại xã	Ước tính năng xuất/Khối lượng SX hàng năm theo bình quân hộ	Khả năng chống chịu với thiên tai & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Mức độ thiệt hại khi có tác động của thiên tai và khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trồng trọt (ha)	1.000	21 tạ/hộ/năm	Thấp	Cao
2	Chăn nuôi	126	15 tạ/hộ/năm	Thấp	Cao
3	Nuôi trồng thủy sản (ha)	89	1,1 tấn/hộ/năm	Thấp	Cao
4	Đánh bắt hải sản (tấn)	120	2,7 tấn/hộ/năm	Thấp	Cao
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp (thu nhập bình quân)	95	35 tạ/hộ/năm	Trung bình	Trung bình
6	Buôn bán (thu nhập bình quân)	54	11 triệu/hộ/năm	Trung bình	Trung bình

<sup>4</sup> Phục vụ cho dự án GCF

7	Du lịch	0	0	0	(không có)
8	Ngành nghề khác Đi làm thuê: thợ nề, dịch vụ vận tải, v.v (thu nhập bình quân)	197	35 triệu/hộ/năm		Trung bình

Nhận xét: Ngành trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, đánh bắt thủy sản khả năng chống chịu thấp, mức độ thiệt hại cao khi có thiên tai là do các ngành đó đều phụ thuộc vào thiên nhiên bị ảnh hưởng bởi tác động của BĐKH cao. Trồng cấy, trồng lúa, trồng hoa màu diện tích ở cuối nguồn xa vùng cung cấp nước ngọt, dễ bị nhiễm mặn. Nuôi trồng thủy sản bờ bao thấp chưa quy hoạch vùng chuyên canh; Đánh bắt thủy sản thuyền thô sơ xuống cấp, nơi neo đậu không an toàn.

#### 14. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	100
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	68,3
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	25
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn	%	70
5	Số trạm khí tượng, thủy văn		0
6	Số thôn được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Thôn/Tổng số thôn	10

**Nhận xét:** Thông tin thường cập nhật là diễn biến của thời tiết và khuyến cáo ứng phó cho các hoạt động sản xuất kinh doanh; Khi có bão, lụt, dự báo cảnh báo liên tục để người dân theo dõi diễn biến, phòng tránh kịp thời. Các thông tin được chuyển tải qua hệ thống loa truyền thanh của xã và các xóm; thông tin dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm theo cho tất cả mọi người dân, trong đó có đối tượng dễ bị tổn thương. Hàng ngày phụ nữ quan tâm đến dự báo, cảnh báo thiên tai nhiều hơn so với nam giới.

#### 15. Hiện trạng năng lực phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	5/10
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	0
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua	Lần	2 (1 Care, 1 huyện)
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	33
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	7
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu?	Người	4 Trong đó 1 nữ
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ - cứu nạn tại xã	Người	150

	Trong đó số lượng nữ tham gia làm nhiệm vụ sơ cấp cứu, cứu trợ, công tác hậu cần, ...	Người	30
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'BDKH dựa vào cộng đồng	Người	10
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì:	Người	0
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:		
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	70
	- Áo phao	Chiếc	84
	- Loa	Chiếc	25
	- Đèn pin	Chiếc	0
	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	1
	- Lều bạt	Chiếc	0
	- Xe vận tải	Chiếc	7
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng: Đá học 20m <sup>3</sup> , Đá dăm 10m <sup>3</sup> , cát 10m <sup>3</sup> , Tre cây 500 cây, Cọc tre 100 cọc, Bó rỗng 200 bó, Bạt dứa 380m <sup>2</sup> , rọ tre 100 cái, Bao tải 3000 cái		
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	200g phèn chua,
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ: 6 túi thuốc và 10 bộ nẹp cấp cứu chấn thương	Đơn vị	
10	Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	4-5kg
11	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	1.000.000đ

### C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC /NGÀNH

#### 1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b> (Bão, lụt, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn)	<b>Liệt kê các thôn bị ảnh hưởng</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> (tăng, giữ nguyên, giảm)	<b>TTDBTT</b> (Số công trình có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai/BĐKH)	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TU'BDKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)	<b>Rủi ro thiên tai /BĐKH</b> (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	10/10 xóm	Tăng hơn	- 9 nhà văn hóa 9 xóm (1,2,3,4,5,6,8,9) không an toàn cho sinh hoạt cộng đồng. - Đường điện "xương cá" (đường điện kéo về từng hộ dân) cột xuống cấp, đường dây hư hỏng không an toàn	Thấp	Cao

Bão kèm theo mưa lớn và lụt	10/10 xóm	Tăng hơn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3,5 km đường giao thông trục chính xuống cấp, hư hỏng nghiêm trọng</li> <li>- 1,5 km đường giao thông thông xóm, nền đường đất nằm cạnh sông, mương và ao bị sạt lở thường xuyên</li> <li>- 28 km đường giao thông nội đồng đường đất, nền yếu ở ven đồng ruộng.</li> <li>- Hệ thống kênh mương thủy lợi 60,02 km kênh chìm bằng đất (chiếm 97,1%) sạt lở hư hỏng, không đảm bảo tưới tiêu.</li> <li>- 02 cống dưới đê hư hỏng không an toàn do xây lâu ngày không được nâng cấp, tu sửa</li> </ul>	Thấp	Cao
-----------------------------	-----------	----------	--	------	-----

### Nhận xét:

#### \*Cột (4) TTDBTT:

- Nhà VH 9 xóm là nhà cấp 4, xây dựng lâu năm không được tu sửa, xuống cấp không đảm an toàn cho sinh hoạt cộng đồng.
- Đường điện hạ thế và xương cá bị xuống cấp do sử dụng lâu năm (1991), môi trường nước mặn phá hủy nhanh công trình; Nguồn điện chỉ đủ thấp sáng, chưa đầu tư điện sản xuất (hệ thống điện nuôi trồng thủy sản chưa có)
- 3,5 km đường giao thông trục chính nền đường yếu, phương tiện giao thông đi lại nhiều, lưu thông thường xuyên, Lụt kéo dài và ngập úng ngậm lâu làm yếu nền đường. Đường giao thông không có hệ thống thoát nước nên nước ứ đọng làm đường dễ bị hư hỏng. Ý thức của người dân kém: trồng cây, xây dựng lán, trại lán đường giao thông. 1,5 km đường giao thông thông xóm, nền đường đất nằm cạnh sông, mương và ao bị sạt lở thường xuyên. 28 km đường giao thông nội đồng đường đất, nền yếu ở ven đồng ruộng.
- Hệ thống kênh mương thủy lợi 60,02 km kênh chìm bằng đất (chiếm 97,1%) sạt lở hư hỏng không đảm bảo tưới tiêu.

#### \*Cột (5) Năng lực, kỹ năng

- Có 30 km đường giao thông nông thôn được kiên cố hóa bắt đầu phát động đóng góp của người dân từ năm 2012 người dân tự đóng góp trong và có sự hỗ trợ của huyện, xã 10%. Có 7km đường giao thông nội đồng được kiên cố hóa ở xóm 1,3, 6, 7, 9.
- Có nguồn điện do nhà nước quản lý và bán điện đến tận hộ dân; cung cấp đủ công suất sử dụng điện cho người dân
- Có 1,8 km kênh mương thủy lợi đã được kiên cố (29%), 03 công dưới đê an toàn mới được xây dựng năm 2012.
- Trường mầm non và tiểu học đạt chuẩn quốc gia đảm bảo an toàn cho học sinh đi học và có thể làm nơi lánh nạn khi có thiên tai và 01 nhà văn hóa kiên cố đảm bảo sinh hoạt cộng đồng và lánh nạn. Trụ sở UBND được Nhà nước đầu tư, xây dựng kiên cố năm 2011 có thể làm nơi lánh nạn. Trạm y tế được đầu tư xây dựng mới 02 tầng, khởi công tháng 3/2018, dự kiến tháng 10/2018 hoàn thành đưa vào sử dụng với 10 phòng đảm bảo phục vụ cho người dân trong xã.

\*Tuy nhiên các công trình kiên cố không có hệ thống vệ sinh, nước sạch, không có các phòng riêng cho nam, nữ, phòng cho người khuyết tật nên chưa đảm bảo cho sơ tán.

#### \*Cột (6) Rủi ro thiên tai:

- Nhà văn hóa hư hỏng xuống cấp mất an toàn khi có bão.
- Đường điện gãy đổ đứt dây mất an toàn khi có bão.
- Đường trục chính của xã (3,5 km), 1,5 km đường giao thông xóm và 28 km đường giao thông nội đồng bị sạt lở, hư hỏng mất an toàn khi có bão kèm theo mưa lớn và khi có lụt.
- Hệ thống kênh mương thủy lợi 60,02 km bị sạt lở hư hỏng không đảm bảo tưới tiêu.

## 2. Kết quả đánh giá về nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH (Bão, lụt, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn.)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT/Nguy cơ bị thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Số lượng nhà có nguy cơ bị ảnh hưởng)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
---	------	---	--	--	---

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão kèm theo triều cường	10/10 xóm	Tăng hơn	- Nhà bán kiên cố: 468 nhà (trong đó 150 nhà nằm ở vùng nguy cơ cao, chiếm 10,9%) - Nhà thiếu kiên cố 52 nhà (trong đó 12 ở vùng nguy cơ cao chiếm 1%) - Nhà tạm bợ 218 nhà nằm ở vùng nguy cơ cao 49 nhà (3,6%)	Thấp	Cao

**Nhận xét:**

**\*Cột (4) TTDBTT:** nhà bán kiên cố, nhà thiếu kiên cố do xây dựng lâu năm; Các hộ nghèo không có việc làm ổn định, thu nhập thấp, một số hộ bị bệnh hiểm nghèo, phụ nữ đơn thân, phụ nữ nuôi con nhỏ nên không có kinh phí để nâng cấp sửa chữa, xây mới nhà ở. Có một số hộ nghèo do thiếu kiến thức, nhưng cũng có những hộ có tư tưởng ỉ lại "không muốn thoát nghèo". Đê chưa được kiên cố, người dân tận dụng chân đê làm thủy sản nên có nguy cơ vỡ đê cuốn trôi nhà ở vùng ngoài đê.

**\*Cột (5) Năng lực kỹ năng:**

- Có 636 nhà kiên cố, trong đó khoảng 200 nhà có thể làm nơi lánh nạn (14,6%).  
- Một số người dân đi làm thuê cho các xí nghiệp, đi xuất khẩu lao động gửi tiền để sửa chữa, nâng cấp nhà ở, một số hộ con cái thành đạt có điều kiện đưa tiền xây nhà kiên cố cho bố mẹ.

**\*Cột (6) rủi ro thiên tai:**

- Nhà ở của các hộ dân sập đổ, tốc mái khi có bão xảy ra.  
- Nguy cơ vỡ đê khi có bão cấp 11 trở lên và kèm theo triều cường.

**3. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường**

Loại hình Thiên tai/BĐKH (Bão, lụt Hạn hán, nhiễm mặn, rét hại, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn.)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT/Nguy cơ bị ảnh hưởng (Số hộ dân có nguy cơ bị thiếu nước sạch và không đảm bảo vệ sinh khi có thiên tai)	Kỹ năng, kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt, hạn hán, rét đậm rét hại	10/10 xóm	Tăng hơn	- 339 hộ thiếu nước sạch chiếm 24,7% - 40% hộ dân không đảm bảo vệ sinh, nguy cơ dịch bệnh, bị bệnh hiểm nghèo và ô nhiễm môi trường	Thấp	Cao

**Nhận xét:****\*Cột (4) TTDBTT:**

- Người dân chủ yếu sử dụng nước giếng, mà nguồn nước bị ô nhiễm, đã có hệ thống nước sạch trên toàn xã nhưng do không có tiền đầu nối, nhận thức người dân còn hạn chế, chủ yếu dùng nước giếng khoan và bể nước mưa để không phải đóng tiền nước và tiền điện bơm nước.

- Có 40% hộ dân có nhà vệ sinh tạm bợ, 120 hộ chăn nuôi thải trực tiếp chất thải ra môi trường; Một số hộ dân xả rác thải bừa bãi không đúng nơi quy định; Chưa có thùng rác nơi công cộng; Bãi rác chưa đủ sức chứa. Hệ thống thoát nước thải bằng mương đất chưa đảm bảo vệ sinh.

- Công tác tuyên truyền cho các hộ dân về sử dụng nguồn nước và vệ sinh môi trường còn hạn chế, trạm y tế thiếu kinh phí không thực hiện tuyên truyền trực tiếp, chủ yếu tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh nhưng không



thường xuyên liên tục. Chưa có quy chế, phương thức xử phạt về vệ sinh môi trường. Mạng lưới y tế cộng đồng chưa được đào tạo chuyên nghiệp. Ý thức người dân còn hạn chế, trình độ dân trí thấp, nhận thức không đồng đều

**\*Cột (5): Năng lực và kỹ năng:** Có y tế thôn bản 10/10 xóm, đã tổ chức tuyên truyền khi có dịch, thực hiện tiêm chủng định kỳ, có 03 y sỹ để khám bệnh thông thường và đỡ đẻ; phát hiện bệnh để chuyển lên bệnh viện huyện (cách xã 7 km). Trạm y tế chủ động xuất tiền ra mua thuốc dự trữ trong mùa thiên tai (bình quân 1.000.000đ/năm thuốc dự trữ). Khi có thiên tai thì tiếp nhận sơ cứu ban đầu, phân loại bệnh nhân chuyển tuyến trên.

**\*Cột (6) Rủi ro thiên tai:**

- Nguy cơ bị mắc các bệnh hiểm nghèo và các bệnh dịch khác như tiêu chảy, sốt xuất huyết, viêm đường hô hấp, ...
- Ô nhiễm môi trường trên diện rộng sau thiên tai.

#### 4. Kết quả đánh giá về y tế

Loại hình Thiên tai/BĐKH (Bão, lụt, Hạn, hạn xu hướng thiên tai cực đoan hơn.)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt, hạn hán, nhiễm mặn, rét hại	10/10 xóm	Tăng lên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trạm y tế chưa đạt chuẩn, thiếu bác sỹ, thiếu cán bộ chuyên môn (03 y sỹ) thiếu trang thiết bị khám chữa bệnh.</li> <li>- Chưa được hỗ trợ thuốc phục vụ phòng chống thiên tai mà trạm tự xuất tiền mua thuốc dự trữ 1 triệu đồng/năm.</li> <li>- Trước đây nhà cấp 4 xuống cấp, hiện nay đang xây dựng nhà 2 tầng đến cuối năm mới hoàn thành, hiện tại nếu có thiên tai không có chỗ để tiếp nhận sơ cứu cho bệnh nhân.</li> </ul>	Thấp	cao

**Nhận xét:**

**\*Cột (4) TTDBTT:**

- Trạm y tế thiếu trang thiết bị phục vụ cho khám chữa bệnh, chưa có bác sỹ chuyên khoa sản nên khi phụ nữ mắc bệnh phụ khoa thường phải lên tuyến trên khám và điều trị nhưng thiếu kinh phí, ngại điều trị vì quan niệm của chị em đây là bệnh thông thường, do đó tỷ lệ phụ nữ mắc bệnh ngày càng cao (90%).

- Công tác tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh chưa được thường xuyên do thiếu kinh phí, không thực hiện tuyên truyền trực tiếp, chủ yếu tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh nhưng không thường xuyên liên tục. Y tế thôn bản thu nhập thấp (vùng bãi ngang mới được 600.000đ/tháng) nên công tác kiểm tra giám sát vệ sinh môi trường còn hạn chế. Tuy nhiên trình độ dân trí người dân thấp không đồng đều, nam bị mắc bệnh nguy hiểm cao, có thể do ô nhiễm môi trường và ăn gỏi cá sống, uống rượu nam (90%), nữ (10%).

**\*Cột (5) Năng lực, kỹ năng:**

- Cán bộ y tế đều có chuyên môn (03 y sỹ trong đó có 01 hộ sinh) có khả năng tiếp cận với khoa học kỹ thuật thực hiện đầy đủ các chương trình của y tế, giám sát dịch bệnh và vệ sinh môi trường. Khi có thiên tai tổ chức tiếp nhận sơ cứu ban đầu và chuyển đến bệnh viện huyện (7km).

- Trạm y tế đã dự trữ các loại thuốc khi để ứng phó với thiên tai và có sự hỗ trợ của trung tâm y tế huyện như phun thuốc diệt muỗi tiêu độc, khử trùng nguồn nước.

- Trạm y tế tổ chức tiêm chủng định kỳ cho bà mẹ mang thai và trẻ em trong độ tuổi, tư vấn sức khỏe cho người cao tuổi, người có công với cách mạng.

- Đã có 1035 hộ dân (chiếm 75.3%) có ý thức sử dụng nước sạch, vệ sinh môi trường.

\***Cột (6) Rủi ro thiên tai:** Nguy cơ mắc bệnh hiểm nghèo ở nam giới, phụ nữ mắc bệnh phụ khoa cao

**5. Kết quả đánh giá về giáo dục:**

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b> (Bão, lụt, Hạn hán, rét đậm rét hại, xu hướng thiên tai cực đoan hơn.)	<b>Thôn</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	<b>TTDBTT của học sinh và giáo viên, có sự khác biệt nào giữa nam và nữ</b>	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBĐKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt	10/10 xóm,	Tăng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường học thiếu trang thiết bị phòng chống thiên tai như: Áo phao, phao cứu sinh, dụng cụ sơ cấp cứu, ...</li> <li>- 03 nhà trường không xây dựng kế hoạch tập huấn kiến thức PCTT hàng năm</li> <li>- Giáo viên và học sinh các trường chưa được tập huấn về PCTT/BĐKH, kỹ năng sơ cấp cứu</li> </ul>	Trung bình	Trung bình

**Nhận xét:** Khi có thiên tai học sinh được nghỉ học, chủ yếu nhà trường phòng chống thiệt hại, bảo vệ cơ sở vật chất, nhà trường bố trí giáo viên trực (nam chủ yếu); trong phương án PCTT của nhà trường chưa xây dựng kế hoạch cụ thể còn phụ thuộc vào xã. Tài liệu tuyên truyền còn thiếu, hình thức tuyên truyền chủ yếu qua truyền thanh xã, chưa hướng dẫn giáo dục về giới tính cho học sinh.

**6. Kết quả đánh giá về rừng** (Hiện nay xã Nga Tiến không có rừng)

**7. Kết quả đánh giá về trồng trọt (Trồng coi, trồng lúa và hoa màu)**

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b> (Bão, lụt, hạn hán, nhiễm mặn, rét đậm rét hại xu hướng thiên tai cực đoan hơn)	<b>Thôn</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	<b>TTDBTT</b> (Diện tích có nguy cơ thiệt hại - ha)	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBĐKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt	10/10 xóm	Tăng hơn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 82.4 ha trồng coi nằm vùng trũng gần biển cuối nguồn nước tưới, hệ thống kênh mương chưa đảm bảo</li> <li>- Có 110 ha trồng lúa, nằm ở vùng trũng, cuối nguồn, xa nguồn nước ngọt</li> <li>- Diện tích trồng hoa màu thuộc đất cái khó trồng, khó chăm sóc</li> </ul>	Thấp	Cao
Hạn hán, nhiễm mặn	Xóm 1, xóm 2	Tăng hơn	Diện tích trồng lúa và trồng màu chủ yếu ở vùng cao, khi hạn hán bị nhiễm mặn trên diện rộng	Trung bình	Trung bình

Rét đậm rét hại	10/10 xóm	Tăng hơn	Diện tích gieo mạ không có ni lông bao phủ, không có nguồn nước dự trữ để bơm nước giữ ẩm cho cây mạ	Trung bình	Trung bình
-----------------	-----------	----------	--	------------	------------

**Nhận xét:****\*Cột (4) TTDBTT:**

- Diện tích trồng trọt xa nguồn nước tưới tiêu; Hệ thống kênh mương không đảm bảo: 60,02 km (chiếm 97.1 %).
- Trồng cấy không có bảo hiểm, thị trường trôi nổi, lao động gặp nguy hiểm thu nhập thấp nên người dân có tư tưởng bỏ nghề. Trồng lúa: Quản lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn hạn chế. Một số hộ chưa chủ động trong việc chăm sóc và thu hoạch. Kinh nghiệm sản xuất còn hạn chế do mới chuyển đổi từ trồng cấy sang trồng lúa năm 2012. Có tổ chức tập huấn nhưng chưa thường xuyên tham gia tập huấn chủ yếu là nam 90%, nữ ít được tham gia chỉ 10%.
- Năng lực HTX kém không quản lý được phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, chưa bao tiêu được sản phẩm cho người dân, chủ yếu là tự cung tự cấp.

**\*Cột (5) Năng lực và kỹ năng**

- Có đồng cấy, diện tích 82 ha, bảo đảm cho phát triển ngành nghề truyền thống
- Chính quyền hỗ trợ máy bơm nước cho các hộ trồng cấy
- Có 1.8 Km mương nổi có thể tưới nước cho một số diện tích lúa và hoa màu
- Trồng cấy là nghề truyền thống lâu đời nên người dân đa số có nhiều kinh nghiệm

**\*Cột (6) Rủi ro thiên tai:**

- Mất mùa giảm năng suất lúa và hoa màu khi thiên tai xảy ra
- Cây cấy bị đổ ngã, giảm sản lượng có khi mất trắng không có thu nhập
- Lao động nữ nguy cơ bị tai nạn trong lao động và bệnh phụ khoa

**8. Kết quả đánh giá về chăn nuôi**

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH (Bão, Lụt, Hạn hán, Rét hại, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn)</b>	<b>Thôn</b>	<b>Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)</b>	<b>TTDBTT (Số lượng gia súc, gia cầm và cơ nguy cơ thiệt hại)</b>	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)</b>	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt, hạn hán, rét đậm rét hại	10/10 xóm	Tăng hơn	Chăn nuôi chiếm 4,7% thu nhập, tham gia nam 60%, nữ 40%, chủ yếu chăn nuôi nhỏ lẻ, chuồng trại chưa đảm bảo, hệ thống nước thải kém, chưa có hầm biôga	Thấp	Cao

**Nhận xét:****\*Cột (4) TTDBTT:**

- Chuồng trại chăn nuôi không đảm bảo, hệ thống thoát nước thải chưa đảm bảo, còn thải chất thải trực tiếp ra môi trường.
- Đa số các hộ thiếu kiến thức, chủ yếu là chăn nuôi tự phát không theo khuyến cáo, không có đầu ra, giá cả bấp bênh.

**\*Cột (5) năng lực kỹ năng:** Tổ chức tuyên truyền phổ biến kiến thức chăn nuôi, tiêm phòng theo định kỳ 02 lần/năm, kỹ năng chăm sóc con nuôi cả nam, nữ đều thực hiện, tuy nhiên kiến thức còn hạn chế, ý thức bảo vệ môi trường chưa cao, việc áp dụng KHKT chưa phổ biến.

\*Cột (6) **Rủi ro thiên tai:** Gia súc, gia cầm chết, dị dịch bệnh khi có thiên tai

**9. Kết quả đánh giá ngành thủy sản**

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b> (Bão, lụt, Hạn hán, Nhiễm mặn, Rét hại, xu hướng thiên tai cực đoan hơn.)	<b>Thôn</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	<b>TTDBTT</b> (Số diện tích thủy hải sản có nguy cơ thiệt hại khi xảy ra thiên tai, BĐKH)	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBĐKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>1. Đánh bắt thủy sản</b>					
<b>Bão</b>	Xóm 9, xóm 10	Tăng hơn	Có 70 thuyền đánh bắt thuyền nhỏ công suất thấp chủ yếu đánh bắt gần bờ - Trang thiết bị thiếu (bộ đàm, áo phao, phao cứu sinh, radio). - Nơi neo đậu chưa đảm bảo để tránh trú	Thấp	Cao
<b>2 Nuôi trồng thủy sản</b>					
Lụt, nhiễm mặn, hạn hán, rét hại	10/10 xóm	Tăng hơn	- Chưa quy hoạch đồng bộ, chuyên canh thủy sản. Bờ bao thấp, hệ thống giao thông thủy lợi không phù hợp, thiếu điện sản xuất (Điện công suất thấp) - Đê bao xuống cấp dễ bị vỡ đê ảnh hưởng đến nuôi trồng thủy sản	Thấp	Cao

**Nhận xét:**

**\*Cột (4) TTDBTT:**

- Đánh bắt thủy sản thuyền nhỏ, công suất thấp, thiếu trang thiết bị, thiếu vốn đầu tư đánh bắt xa bờ, chưa có đầu ra cho sản phẩm chủ yếu tự cung tự cấp trong vùng nên kém phát triển, ngư dân vẫn còn chủ quan chưa có áo phao, phao cứu sinh trên các thuyền đánh bắt nên nam giới nguy cơ bị chết trên biển, phụ nữ đơn thân nuôi con một mình cao.

- Nuôi trồng thủy sản: Ở xóm 1, xóm 2 diện tích nhỏ, bờ bao thấp, các xóm khác diện tích lớn hơn nhưng bờ bao không đảm bảo, kỹ thuật nuôi trồng còn hạn chế, chưa chuyên canh nuôi trồng thủy sản còn kết hợp với chăn nuôi gia cầm nên nguồn nước bị ô nhiễm; một số người dân chủ quan, thiếu kiến thức về chăm sóc nuôi trồng thủy hải sản. Chưa có đầu ra cho sản phẩm, giá cả bấp bênh, nuôi quảng canh, năng suất thấp, phụ thuộc chủ yếu vào thiên nhiên, con giống trôi nổi chưa kiểm định, sử dụng thuốc nuôi trồng thủy sản tùy tiện.

**\*Cột (5) Năng lực và kỹ năng:**

- Vận động người dân chung nhau vay vốn, tạo điều kiện vay vốn đóng tàu thuyền công suất lớn đánh bắt xa bờ. Làm tờ trình kiến nghị cấp trên nâng cấp nơi neo đậu tàu thuyền để có nơi tránh trú an toàn khi có thiên tai.

- Chính quyền đang điều chỉnh quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản, liên hệ công ty điện lực đầu tư điện ba pha cho khu vực nuôi trồng thủy sản, nâng cấp hệ thống đê 3 góp phần bảo vệ nuôi trồng thủy sản, tuy nhiên đê chưa được kiên cố, người dân tận dụng chân đê để nuôi trồng thủy sản, hiện nay chính quyền đang từng bước đầu tư nâng cấp cầu cống, giao thông thủy lợi, khuyến cáo người dân phòng chống trước mùa thiên tai.

**\*Cột (6) Rủi ro thiên tai:**

- Nguy cơ người chết và bị thương khi có bão.
- Tàu thuyền hư hỏng mất ngư lưới cụ khi có bão xảy ra.
- Khu neo đậu tàu thuyền chưa đảm bảo an toàn cho tàu thuyền trú ẩn khi có bão.
- Nguy cơ vỡ đê khi có bão kèm theo triều cường, gây lụt lớn diện rộng.

**10. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch:** ở xã không có hoạt động du lịch

<b>Loại hình Thiên tai, BDKH</b> (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn v.v.)	<b>Thôn</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	<b>TTDBTT</b> (Số thôn/hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BDKH)	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBDKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)	<b>Rủi ro thiên tai/BDKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

**11. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác**

<b>Loại hình Thiên tai/BDKH</b> (Bão, Lụt, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn.)	<b>Thôn</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> (tăng, giữ nguyên, giảm)	<b>TTDBTT</b> (Số hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BDKH)	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBDKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)	<b>Rủi ro thiên tai/BDKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>1. Dịch vụ buôn bán nhỏ</b>					
Bão, Lụt	10/10 xóm	Giữ nguyên	- Kinh doanh hộ gia đình nhỏ lẻ, tự phát - Thiếu vốn đầu tư nhập hàng hóa nên các mặt hàng phục vụ chưa đa dạng. - Chưa có khu quy hoạch để kinh doanh, buôn bán, chưa có chợ để phát triển dịch vụ.	Trung bình	Trung bình
<b>2. Làm thuê</b>					
Bão, lụt, hạn hán, rét đậm rét hại	10/10 xóm	Giữ nguyên	Ngành nghề chủ yếu là thợ nề, vận tải và làm thuê cho các xí nghiệp nhỏ, chưa có bảo hộ lao động, chủ yếu là lao động phổ thông chưa qua	Trung bình	Trung bình

			đào tạo nghề		
--	--	--	--------------	--	--

**Nhận xét:**

\***Cột (4) TTDBTT:** Chưa tổ chức đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, có doanh nghiệp trên địa bàn nhưng hoạt động không hiệu quả; Các công việc phải bỏ sức lao động nhiều nhưng không có thu nhập cao; Đa phần các công việc đều không có bảo hiểm lao động; Không có kinh phí để phát triển ngành nghề truyền thống theo hướng hiện đại hóa.

\***Cột (5) Năng lực và kỹ năng:** Lực lượng lao động dồi dào, trẻ, khỏe đi làm ăn xa có thu nhập cao gửi tiền về làm nhà, lao động chính nam 50%, nữ 50%. Tuy nhiên đi làm thuê ở xa, tại địa phương chủ yếu là người già, trẻ em nên thiếu lực lượng tham gia PCTT.

**\*Cột (6) Rủi ro thiên tai:**

- Sập đổ lều quán, hư hỏng hàng hóa mất việc làm của người buôn bán nhỏ.
- Nguy cơ tai nạn lao động cho người làm thuê.

### 12. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về Thiên tai và biến đổi khí hậu và Cảnh báo sớm

<b>Loại hình Thiên tai/BĐ KH</b> (Bão, Lụt, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn.)	<b>Thôn</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	<b>TTDBTT</b> (Số hộ dân được tiếp cận các dịch vụ thông tin truyền thông và cảnh báo phù hợp)	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBĐKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt	10/10 xóm	Cao hơn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng ven biển và khu vực nuôi trồng thủy sản chưa có loa truyền thanh</li> <li>- Cán bộ xóm chưa được tập huấn công tác thông tin cảnh báo sớm</li> <li>- Hệ thống loa tại các xóm đang bị hư hỏng, xuống cấp</li> <li>- Chưa có hệ thống cảnh báo sớm</li> </ul>	Trung bình	Cao

**Nhận xét:** Hệ thống truyền thanh phủ đều trên toàn xã, mỗi xóm 2-3 loa, khi có thiên tai ban chỉ huy PCTT thông báo nhanh, kịp thời, các thông tin về PCTT được phát trên hệ thống loa truyền thanh từ xã đến xóm 02lần/ngày; khi có thiên tai thì được phát thường xuyên. Có 68,3% các hộ dân tiếp cận được với thông tin truyền thông. Tuy nhiên các hoạt động truyền thông còn hạn chế chưa thực hiện thường xuyên; Công tác diễn tập PCTT hàng năm chưa được thực hiện, sự phối hợp giữa các đoàn thể về công tác tuyên truyền PCTT chưa đồng bộ. Hệ thống truyền thanh xuống cấp chưa được tu sửa thường xuyên.

**\*Rủi ro thiên tai:**

- Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn còn thiếu không đảm bảo công tác tổ chức diễn tập và cứu hộ, cứu nạn.
- Hệ thống truyền thanh chưa đảm bảo thông tin liên lạc dự báo, cảnh báo khi có bão.

### 13. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TUBĐKH

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b> (Bão, lụt, Hạn hán, Nhiễm mặn, Rét hại, xu hướng thiên tai)	<b>Thôn</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> (Tăng, Giữ)	<b>TTDBTT</b> (Số cán bộ chuyên trách/phụ trách và lực lượng 4 tại chỗ có ít nhất 5 năm làm việc trong lĩnh vực PCTT và	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để phòng chống thiên tai và thích ứng với</b>	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b> (Cao, Trung Bình, Thấp)



<i>cực đoan hơn.)</i>		<i>nguyên, Giảm)</i>	<i>BĐKH)</i>	<b>BĐKH</b> <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt Hạn hán, Nhiễm mặn, Rét hại	10/10 xóm	Tăng	- Đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm chưa chuyên sâu, chưa được đào tạo, chưa có quy chế hoạt động của ban chỉ huy PCTT - Một số tổ chức, cá nhân phối hợp PCTT chưa cao - Một số đồng chí kiến thức, năng lực còn hạn chế - Lập kế hoạch PCTT chưa có sự tham gia của người dân	Trung bình	Cao

**Nhận xét:**

**\*Cột (4) TTDBTT:** Đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm chưa chuyên sâu, chưa được đào tạo, chưa có quy chế hoạt động của ban chỉ huy PCTT, trang thiết bị, phương tiện, vật tư thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu. Huy động phương tiện khó khăn. Thiếu nguồn kinh phí hoạt động. Công tác hậu cần còn yếu, nguồn lương thực phẩm dự trữ trước mùa thiên tai chưa đáp ứng được nhu cầu.

**\*Cột (5) Năng lực, kỹ năng:** Hàng năm kiện toàn công tác tổ chức: Ban chỉ huy PCTT của xã gồm 33 người (nam 26, 07 nữ); Kiện toàn lực lượng phòng chống - ứng phó thiên tai; Lực lượng trung đội mạnh; Phân công giao nhiệm vụ cho từng bộ phận và cá nhân phụ trách; Hội phụ nữ cũng là thành viên trong ban chỉ huy PCTT, được tham gia tập huấn nâng cao năng lực và thường xuyên truyền truyền về phòng ngừa, ứng phó với thiên tai cho hội viên. Ban chỉ huy PCTT đã xây dựng phương án PCTT hằng năm. Đội ngũ cán bộ có ý thức, trách nhiệm, nhiệt tình, có trách nhiệm cao. Trang thiết bị, phương tiện, vật tư chuẩn bị sẵn sàng: Cọc tre: 500; Đá hộc: 20m<sup>3</sup>; Đá rầm: 10m<sup>3</sup>; Cát: 10m<sup>3</sup>; Rọ sắt: 100; Bao tải: 3.000 cái; Bạt: 380m<sup>2</sup>, Áo phao: 82 cái. Hàng năm tổ chức tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ của năm. Tuy nhiên công tác diễn tập PCTT chưa được tổ chức thường xuyên, chưa tập huấn kỹ năng PCTT cho cán bộ và lực lượng trung đội mạnh.

**\*Cột (6) Rủi ro thiên tai:** Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn còn thiếu không đảm bảo công tác diễn tập và cứu hộ, cứu nạn

**14. Kết quả đánh giá một số lĩnh vực/ngành then chốt khác của địa phương**

<b>Loại hình Thiên tai/BĐKH</b> <i>(Bão, lụt, Hạn hán, Nhiễm mặn, Rét hại, xu hướng thiên tai cực đoan hơn)</i>	<b>Thôn</b>	<b>Xu hướng thiệt hại</b> <i>(Tăng, Giữ nguyên, Giảm)</i>	<b>TTDBTT</b> <i>(Số hộ dân/lực lượng lao động/tài sản có nguy cơ bị thiệt hại trong thiên tai và do BĐKH)</i>	<b>Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT &amp; TUBĐKH</b> <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	<b>Rủi ro thiên tai/BĐKH</b> <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt	10/10 xóm	Giữ nguyên	Đi làm ăn xa nhà, ở gia đình chỉ có người già và trẻ em	Cao	Thấp

**Nhận xét:** Đi xuất khẩu lao động có 29 người (nam 21, nữ 08) có mức thu nhập cao. Đi lao động ở các công ty ngoài địa phương có 295 người (255 nữ, nam 40) có thu nhập khá. Phải đi làm ăn xa để có thu nhập cao, gửi tiền về xây nhà kiên cố, nâng cao mức sống cho gia đình.



## D. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP

### 1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Trong đợt đánh giá nhóm HTKT và người dân các cụm xóm xác định có 5 loại thiên tai thường xảy ra trên địa bàn xã Nga Tiên bao gồm: Bão, Lụt, Hạn hán, nhiễm mặn, Rét hại và căn cứ đánh giá TTDBTT đã xác định được 19 RRTT thường xảy ra. Nhóm HTKT và người dân đã xếp hạng RRTT theo 3 tiêu chí: (1) Nghiêm trọng, (2) Thường xuyên xảy ra (3) Xảy ra trên diện rộng nên các RRTT được xếp theo thứ tự từ 1 đến 19 và phân tích các nguyên nhân quan tâm như sau:

Thứ tự ưu tiên (*)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	TTDBTTD	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Nhà bị sập, tốc mái khi có bão xảy ra và nhà văn hóa 9/10 xóm nguy cơ sập đổ không an toàn cho sinh hoạt cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà ở bán kiên cố: 600 hộ</li> <li>- Nhà tạm bợ và thiếu kiên cố rủi ro cao: 220 hộ.</li> <li>- Nhà ở vùng rủi ro cao (Sát biển, ngoài đê) 42 hộ</li> <li>- Thiếu nhân lực để chống chọi trước mùa thiên tai, toàn xã có phụ nữ đơn thân, phụ nữ trụ cột gia đình (Riêng xóm 10 có đến 73 phụ nữ đơn thân)</li> <li>- Nhà văn hóa 9 xóm thiếu kiên cố đã xuống cấp do không có tiền nâng cấp, xây mới</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hộ nghèo không có việc làm ổn định, thu nhập thấp, một số hộ bị bệnh hiểm nghèo, phụ nữ đơn thân, phụ nữ nuôi con nhỏ nên không có kinh phí để nâng cấp sửa chữa, xây mới nhà ở</li> <li>- Một số hộ nghèo do thiếu kiến thức, nhưng cũng có những hộ có tư tưởng ỉ lại "không muốn thoát nghèo"</li> <li>- Lao động đi làm thuê chưa được tập huấn, đào tạo nghề chủ yếu lao động thủ công nên thu nhập thấp đặc biệt là phụ nữ ít được đi tập huấn (Tham gia tập huấn chủ yếu là nam 90%, nữ chỉ 10%)</li> <li>- Đội cứu hộ, cứu nạn thiếu trang thiết bị và chưa được tập huấn kỹ năng nên cũng hạn chế đến việc hỗ trợ cho đối tượng DBTT khi có thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ xây nhà cho các hộ có nhà thiếu kiên cố và nhà tạm bợ (220 nhà)</li> <li>- Hỗ trợ xây dựng 9 nhà văn hóa để đảm bảo an toàn cho sinh hoạt cộng đồng</li> <li>- Sơ tán di dời những người sống trong các nhà ở thiếu kiên cố, nhà tạm bợ, các nhà ở vùng nguy cơ cao (ở sát biển, ngoài đê) đến nơi an toàn</li> <li>- Tuyên truyền về PCTT, chống chọi nhà cửa, ...</li> <li>- Cùng cố nâng cấp hệ thống đê đảm bảo an toàn cho người dân sống ven đê, sát biển</li> <li>- Tập huấn chuyển giao KHKT, đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người dân đặc biệt là phụ nữ</li> <li>- Hỗ trợ mua sắm các trang thiết bị và tập huấn kỹ năng cho đội cứu hộ, cứu nạn</li> </ul>
2	3,5km đường trục chính xuống cấp hư hỏng không đảm bảo an toàn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nền đường yếu phương tiện giao thông quá tải đi lại nhiều, thường xuyên</li> <li>- Lụt kéo dài và ngập úng ngấm lâu làm yếu nền</li> <li>- Đường giao thông không có hệ thống thoát nước nên nước ứ đọng đường dễ bị hư hỏng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xã không có ngân sách để duy tu, bảo dưỡng hằng năm</li> <li>- Quy hoạch không đồng bộ, các cơ quan chức năng không phối hợp chặt chẽ nên đơn vị này vừa làm xong đơn vị khác lại đào xới, ...</li> <li>- Ý thức của người dân kém, trồng cây, xây dựng lán, trại lán đường giao thông</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ nâng cấp 3,5 km đường trục chính và 05 cầu để đảm bảo đi lại an toàn cho người dân</li> <li>- Xây dựng hệ thống thoát nước hai bên đường</li> <li>- Xử lý nghiêm minh những đối tượng vi phạm lấn chiếm hành lang ATGT</li> </ul>
3	Nuôi trồng thủy sản mất con giống; mất sản lượng. Đánh bắt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 95 ha nuôi trồng thủy sản chưa quy hoạch và đang tự phát chuyển đổi</li> <li>- Hệ thống giao thông thủy lợi, cấp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Con giống trôi nổi, kỹ thuật nuôi còn hạn chế, thiếu kiến thức</li> <li>- Nuôi trồng thủy sản kết hợp chăn nuôi gia cầm nên môi trường bị ô nhiễm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy hoạch vùng chuyên canh nuôi trồng thủy hải sản</li> <li>- Tập huấn kỹ thuật, kiến thức cho các hộ nuôi trồng</li> <li>- Đầu tư, xây dựng công trình thủy lợi và trạm điện ba pha</li> </ul>

	thủy sản hư hỏng tàu thuyền, mất ngư lưới cụ mất thu nhập.	thoat nước chưa riêng biệt. - Hệ thống bờ bao thấp dễ bị sạt lở. - 70 tàu thuyền nhỏ công suất 15-24CV đi đánh bắt chưa có bảo hộ, thiếu trang thiết bị thông tin liên lạc chủ yếu đánh bắt gần bờ - Nơi neo đậu tàu thuyền chưa đảm bảo an toàn	- Hệ thống bờ bao dễ bị sạt lở do gần đê, đê không có cây rừng bảo vệ - Thuốc xử lý trị bệnh còn trôi nổi, người dân sử dụng còn chưa đúng khuyến cáo - Thiếu nguồn vốn đầu tư, đa số nuôi quảng canh - Thiếu điện công nghiệp ba pha để vận hành máy tạo ôxi - Sản phẩm đánh bắt tự cung tự cấp không có đầu ra nên thu nhập thấp.	- Khuyến cáo về lựa chọn con giống, thuốc bảo vệ thực vật - Hỗ trợ vay vốn đóng tàu đánh bắt xa bờ - Nâng cấp nơi neo đậu tàu thuyền - Tạo đầu ra cho sản phẩm - Hỗ trợ hệ thống thông tin liên lạc như bộ đàm, định vị, radio - Trồng cây ven chân đê để vừa bảo vệ đê, vừa bảo vệ hệ thống bờ bao thủy sản.
4	Lao động nữ bị tai nạn lao động và bệnh phụ khoa cao	- 60% lao động nữ làm công việc nặng nhọc vất vả, nguy hiểm do tham gia tập huấn còn ít, chưa được đào tạo nghề, chủ yếu lao động phổ thông, thu nhập thấp - 90% phụ nữ bị bệnh phụ khoa do làm ruộng, làm cối, thường xuyên bị ngập nước sâu, đĩa chui vào vùng kín.	- Nhiều phụ nữ đơn thân đông con không có việc làm, thiếu kiến thức, kỹ năng - Chồng đi làm ăn xa phải đảm nhiệm mọi việc trong gia đình - Vẫn đang còn định kiến xã hội: + Phải sinh nhiều con do không có con trai + Định kiến tôn giáo không được nạo phá thai + Mọi quyết định trong nhà do nam "Đàn ông trên nhà, đàn bà dưới bếp" - Hội phụ nữ tuyên truyền bình đẳng giới còn hạn chế, kinh phí hoạt động không có - Một số chị em phụ nữ còn tự ti không dám đấu tranh	- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho phụ nữ - Tập huấn nâng cao nhận thức, và tập huấn chuyển giao KHKT về sản xuất, chăn nuôi, đào tạo nghề cho phụ nữ - Tuyên truyền cho nam giới về luật hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới - Tạo công ăn việc làm tăng thu nhập, ưu tiên những ngành nghề phù hợp với phụ nữ
5	Lúa và hoa màu mất mùa giảm năng suất khi có thiên tai	- Địa hình gần biển dễ bị nhiễm mặn, 113 ha lúa nằm ở cuối nguồn, xa nguồn cung cấp nước ngọt - Hệ thống kênh mương nội đồng 80% chưa kiên cố hóa - Đồng ruộng manh mún nhỏ lẻ chưa áp dụng KHKT - Mới chuyển đổi cây trồng, thiếu kinh nghiệm chăm sóc còn hạn chế	- Diện tích trồng lúa chưa được quy hoạch "mẫu lớn". - Xã còn thiếu kinh phí để nạo vét thường xuyên và xây mương nội (Kiên cố) - HTX năng lực yếu, chưa bao tiêu sản phẩm chủ yếu là người dân tự cung, tự cấp - Sử dụng giống mới chưa đồng bộ. - Có tập huấn nhưng chưa được nhiều, chủ yếu là nam tham gia, nữ ít được tham gia (10%) - Thuốc bảo vệ thực vật trôi nổi, người dân sử dụng bừa bãi chưa theo khuyến cáo	- Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn để áp dụng KHKT - Đầu tư nâng cấp hệ thống kênh mương nội đồng - Tập huấn chuyển giao KHKT cho người dân đặc biệt là phụ nữ - Quản lý chặt chẽ về giống, phân bón thuốc bảo vệ thực vật - Nâng cao năng lực cho HTX để quản lý vật tư nông nghiệp và tạo đầu ra cho sản phẩm
6	Cây cối bị đổ ngã, có khi	- Cánh đồng cối 109 ha cuối nguồn xa	- Hệ thống kênh mương chưa kiên cố	- Nâng cao năng lực cho HTX để tìm đầu ra cho sản phẩm

	mát trắng	nguồn cung cấp nước ngọt - Có chủ trương từ tỉnh xuống xã phát triển nghề truyền thống nhưng chưa hỗ trợ, quan tâm để phát triển	- Thị trường trôi nổi không có đầu ra - Nghề nguy hiểm, vất vả dễ xảy ra tai nạn lao động - Tư tưởng người dân muốn bỏ nghề, nếu không có sự hỗ trợ sẽ mất nghề truyền thống	- Hỗ trợ máy móc, kỹ thuật để thu hoạch bảo quản cối - Quy hoạch tổng thể vùng chuyên cối - Đào tạo nhiều ngành nghề thủ công mỹ nghệ và tìm đầu ra cho sản phẩm
7	Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có bão	- Địa hình cuối nguồn khi có bão rác thải đổ về - Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo vệ sinh, 50% xả nước thải trực tiếp ra môi trường. - Sản phẩm phụ sau thu hoạch (rơm, rác, cối) xả ra môi trường. - 40% nhà vệ sinh tạm bợ - Rác thải sinh hoạt, xác động vật chết xả xuống sông và vớt bừa bãi ra môi trường	- Hệ thống kênh mương tiêu thoát nước chưa kiên cố, có nơi không có - Chăn nuôi nhỏ lẻ, chủ yếu là ở các hộ gia đình nên chuồng trại còn tạm bợ, không có hệ thống xử lý nước thải. Còn thải các chất thải trực tiếp ra môi trường - Ý thức người dân còn kém chưa tự giác, còn vứt rác bừa bãi. - Không có thùng rác nơi công cộng. - Thu gom rác một tuần 2 lần chưa đáp ứng nhu cầu - Chưa có biện pháp xử phạt những hành vi vi phạm vệ sinh môi trường (chưa có quy chế xử phạt).	- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân - Tăng cường các hình thức xử phạt những hành vi vi phạm về môi trường - Tổ chức phong trào VSMT, khơi thông cống rãnh cho các đoàn thể, trường học thường xuyên - Mua sắm thùng rác nơi công cộng - Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh cho các hộ nghèo và làm hầm bioga cho các hộ chăn nuôi

## 2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH.

Qua việc phân tích nguyên nhân RRTT nhóm HTKT và người dân các cụm xóm đã tổng hợp được 20 giải pháp và xếp hạng ưu tiên theo 3 tiêu chí (1) Tính cấp bách, (2) Tính khả thi (3) Có thể vận động được nguồn lực để thực hiện từ đó đưa ra các hoạt động thực hiện giải pháp như sau:

Nhóm ngành /lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến		
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	Nhà nước	Người dân	Hỗ trợ bên ngoài
Hạ tầng công cộng (Điện, Đường,	Xây dựng hệ thống thoát nước 2 bên	Toàn dân	1. Xây dựng hệ thống thoát nước 2 bên đường trục chính		x	100%		

Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)	đường và hệ thống tiêu thoát nước thải ở các khu dân cư		2. Xây dựng hệ thống nước thải trong khu dân cư 10/10 xóm		x	50%	50%	
			3. Xử phạt nghiêm minh hành vi lấn chiếm hành lang an toàn giao thông	x	x	100%		
	Hỗ trợ nâng cấp 3,5 km đường chính và 05 cầu đảm bảo an toàn đi lại cho người dân và giao thông nội đồng phục vụ sản xuất	Người dân toàn xã	1. Hỗ trợ nâng cấp 3,5 km đường trục chính		x	100%		
			2. Nâng cấp 05 cầu trên tuyến đường trục chính		x	100%		
			3. Xây dựng hệ thống giao thông nội đồng phục vụ sản xuất		x	50%	50%	
	Nâng cấp nơi neo đậu tàu thuyền để đảm bảo tránh trú an toàn cho tàu thuyền	Người dân	1. Lập tờ trình kiến nghị tỉnh	x		100%		
			2. Nâng cấp nơi neo đậu tàu thuyền đảm bảo cho thuyền tránh trú		x	100%		
	Đầu tư nâng cao các hệ thống kênh mương nội đồng để đảm bảo nước tưới cho lúa và hoa màu, cói	Toàn xã	1. Nạo vét kênh mương, phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh	x		100%		
			2. Xây dựng hệ thống kênh mương nội đồng		x	30%	20%	50%
	Nhà ở	Hỗ trợ xây nhà ở cho 220 hộ dân và nhà tạm bợ và thiếu kiên cố và 9 nhà văn hóa thôn	220 hộ dân và người dân 9 thôn	1. Hỗ trợ xây dựng 120 nhà tạm bợ	x		10%	50%
2. Hỗ trợ xây dựng 100 nhà tạm bợ, thiếu kiên cố					x	10%	50%	GCF 40%
3. Hỗ trợ xây nhà văn hóa 9 thôn					x		70%	GCF 30%

Nước sạch, vệ sinh và môi trường	Mua sắm thùng rác nơi công cộng và xử phạt nghiêm minh hành vi vi phạm VSMT	Người dân toàn xã	1. Mua sắm thùng rác các nhà văn hóa và nơi công cộng	x		70%	30%	
			2. Kiểm tra, giám sát và xử phạt nghiêm minh hành vi vi phạm về VSMT	x	x	100%		
	Hỗ trợ xây nhà vệ sinh cho các hộ nghèo và làm hầm bioga cho các hộ chăn nuôi	Hộ nghèo và hộ chăn nuôi toàn xã	1. Hỗ trợ 200 hộ nghèo làm nhà vệ sinh	x		30%	20%	50%
2. Hỗ trợ 200 hộ chăn nuôi làm hầm bioga			x		80%	20%		
Y tế	Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng DBTT và khám điều trị bệnh phụ khoa miễn phí cho phụ nữ	Phụ nữ và đối tượng DBTT	1. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng dễ bị tổn thương	x			30%	70%
			2. Khám điều trị phụ khoa miễn phí cho phụ nữ	x			50%	50%
Giáo dục								
Rừng	Trồng RNM ven đê biển (Ngự Hàm 3)	Toàn xã	1. Khảo sát lại 21 ha diện tích đất trồng RNM	x		100%		
			2. Kiến nghị cấp trên quy hoạch vùng trồng RNM	x		100%		
			3. Tổ chức trồng RNM		x	20%	10%	GCF70%
Trồng trọt	Tập huấn nâng cao năng lực nhận thức và chuyển giao KHKT tạo công ăn việc làm cho phụ nữ	Phụ nữ toàn xã	1. Tổ chức tập huấn về PCTT, chuyển giao KHKT, chăn nuôi sản xuất	x		100%		
			2. Giới thiệu việc làm cho phụ nữ		x	100%		
	Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn chuyển giao KHKT cho nghề trồng lúa	Toàn xã	1. Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn		x	100%		
			2. Tập huấn chuyển giao KHKT cho nghề trồng lúa	x		50%		50%

			3. Tuyên truyền vận động người dân thực hiện	x	x	100%		
Chăn nuôi	Tập huấn chuyên giao KHKT về chăn nuôi trồng trọt, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho người dân	Toàn xã	1. Tập huấn chuyên giao KHKT về trồng lúa và chăn nuôi		x	50%	20%	GCF 30%
			2. Đào tạo nghề cho lực lượng lao động		x	100%		
			3. Giới thiệu việc làm cho người dân		x	100%		
Thủy sản	Hỗ trợ vay vốn đánh bắt xa bờ và hỗ trợ hệ thống thông tin liên lạc	Các hộ đánh bắt thủy sản	1. Hỗ trợ hệ thống thông tin liên lạc cho các thuyền đánh bắt cá, radio, bộ đàm, định vị	x		100%		
			2. Hỗ trợ áo phao, phao cứu sinh cho các thuyền đánh bắt	x		100%		
			3. Hỗ trợ vay vốn đóng thuyền đánh bắt xa bờ		x	100%		
	Quy hoạch vùng chuyên canh nuôi trồng thủy sản, đầu tư công trình thủy lợi trạm điện ba pha để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản	Toàn xã, các hộ nuôi trồng thủy sản	1. Quy hoạch vùng chuyên canh		x	100%		
			2. Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi		x	50%	50%	
			3. Xây dựng trạm điện ba pha		x	100%		
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT, VSMT, CSSK	Toàn xã	1. Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh	x	x	100%		
			2. Tuyên truyền qua các hoạt động của cộng đồng và ban, ngành, đoàn thể	x	x	50%	50%	
			3. Tuyên truyền bằng Pano, áp phích		x			GCF100%
			4. Diễn tập PCTT	x		30%	20%	GCF 50%

			5. Lồng ghép qua các hoạt động văn hóa văn nghệ	x	x	50%	50%	
			6. Tập huấn PCTT cho người dân và học sinh các trường học	x		30%	20%	GCF 50%
	Tuyên truyền cho nam giới và nữ giới về luật hôn nhân gia đình và bình đẳng giới để giảm bất bình đẳng giới	Nam/ nữ toàn xã	1. Tổ chức tập huấn cho nam và nữ về luật hôn nhân gia đình		x	100%		
			2. Tuyên truyền cho nam, nữ về luật hôn nhân gia đình và bình đẳng giới	x	x	100%		
Phòng chống thiên tai và TUBĐKH	Sơ tán di dời những người sống trong các nhà ở thiếu kiên cố, nhà tạm bợ, các nhà ở vùng nguy cơ cao (ở sát biển, ngoài đê) đến nơi an toàn	Người dân vùng nguy cơ cao và các nhà tạm bợ	1. Hỗ trợ sơ tán đối tượng DBTT	x		100%		
			2. Tổ chức sơ tán các hộ dân vùng nguy cơ cao	x		50%	50%	
			3. Hỗ trợ mỳ tôm nước uống nơi sơ tán	x		100%		
			4. Vệ sinh môi trường sau thiên tai	x		30%	70%	
	Mua sắm trang thiết bị và tập huấn kỹ năng cho đội cứu hộ, cứu nạn, đội xung kích Chữ thập đỏ	Đội xung kích cứu hộ, cứu nạn xã, thôn	1. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, sơ cấp cứu	X		30%		GCF 70%
			2. Tập huấn kỹ năng cho đội xung kích CTĐ và sơ cấp cứu	x		30%		GCF 70%
Lĩnh vực khác	Hỗ trợ máy móc kỹ thuật để thu hoạch và bảo quản nguyên liệu cói, quy hoạch tổng thể ngành chuyên canh để duy trì nghề chiếu cói truyền thống	Các hộ dân làm nghề và HTX	1. Quy hoạch vùng chuyên canh cánh đồng cói		x	100%		
			2. Hỗ trợ máy móc kỹ thuật để thu hoạch và bảo quản nguyên liệu cói		x	50%	50%	
			3. Vay vốn đầu tư phát triển nghề truyền thống		x	100%		



Nâng cao năng lực cho HTX để quản lý vật tư nông nghiệp và bao tiêu sản phẩm cho lúa, hoa màu, cói, thủy sản	Toàn xã	1. Nâng cao năng lực cho HTX	x		100%		
		2. Liên hệ với các siêu thị, nhà hàng để bao tiêu sản phẩm		x	100%		
		3. Thu mua cói, thủy sản, nông sản tạo đầu ra cho người dân		x	100%		

Trên đây là báo cáo kết quả đánh rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại xã Nga Tiến do nhóm hỗ trợ kỹ thuật của xã thực hiện tháng 6/2018./.

**Nơi nhận:**

- Tổng cục PCTT (báo cáo);
- Ban QLDA Tỉnh (báo cáo);
- Ban PCTT&TKCN huyện
- TT/Đảng ủy, TT/HĐND Xã;
- CT&các PCT.UBND Xã;
- UBMTTQ và các đoàn thể Xã;
- Ban PCTT&TKCN xã;
- Lưu: VPUB xã.

**TM. NHÓM HỖ TRỢ KỸ THUẬT  
TRƯỞNG NHÓM**

Phạm Ngọc Đình  
**PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ**

## Phụ lục 3: Bộ công cụ đánh giá RRTT-DVCD

**PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ  
RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG XÃ NGA TIỀN**

**Công cụ 2: Lịch sử thiên tai xã Nga Tiên**

Tháng năm	Loại hình thiên tai	Đặc điểm/xu hướng	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại gì/Mức độ thiệt hại ( ANCD, SXKD, SKVSMT)	Tại sao bị thiệt hại (Nguyên nhân về VC, TCXH, NT,KN,TĐ,ĐC)	Đã làm gì để PCTT
7/2005	<b>Bão</b>	- Gió giật mạnh cấp 12 đến cấp 15, vào ban đêm diễn ra từ 3-5 giờ, kèm theo mưa trước và sau bão, kết hợp với triều cường dâng cao gây vỡ đê. - Xu hướng bão ngày càng mạnh, không theo quy luật	Toàn xã 10/10 xóm	<b>ATCD:</b> - Nhà bị tốc mái :80% = 400 hộ từ xóm 1 đến xóm 10 - Tốc mái trường mầm non, trạm xá, nhà văn hóa thôn 1, 2, 3, 9 - Thiệt hại 10.000 mét dây - Tường rào đổ : 50 mét đổ 18 cây cột điện - Số hộ bị ảnh hưởng: khoảng 120 hộ; - 18 cây cột điện vị đổ <b>SXKD:</b> - Trồng trọt bị thiệt hại, mất trắng 274/274 ha ngập úng và nhiễm mặn do triều cường kết hợp bão dâng cao - Diện tích nuôi trồng thủy hải sản bị ngập trôi mất trắng 54/84 ha - 5-7 cống dưới đê bị ảnh hưởng - 30km đường giao thông nội đồng bị ngập lầy lội mất an toàn <b>VSMT:</b> - Ô nhiễm môi trường = 400 hộ sử dụng nước bị nhiễm bẩn	<b>VC:</b> - Nhà thiếu kiên cố; - Đê bị vỡ do chưa được kiên cố hóa - Các công trình công cộng và trường mầm non đang thi công xây dựng - Cột điện bị yếu, xuống cấp <b>TCXH:</b> - Công tác tuyên truyền cảnh báo sớm đã thực hiện nhưng chưa kiên quyết. - Chưa có trạm y tế - 100% đường giao thông bị san bằng <b>NTKN:</b> - Người dân chủ quan không chằng chống nhà cửa - Sử dụng nguồn nước tự nhiên, thiếu bể dự trữ nước	- Tuyên truyền cho người dân chủ động chằng chống nhà cửa khi có bão - Huy động nhân lực, vật lực tổ chức hộ đê - Bảo dưỡng, sửa chữa đường dây điện - Che đậy các bể đựng nước dự trữ - Có quy hoạch đầu tư xây dựng phù hợp
10/2017	<b>Lụt</b>	- Mưa to, ngập diện rộng, ngập cao 1m, kéo dài 1 tuần - Thường xuyên xảy ra, mực nước cao hơn, diện tích rộng, thời gian kéo dài.	Toàn xã	<b>ATCD:</b> - Nhà 80 hộ bị ngập đến móng tại xóm 1 và xóm 2 <b>SXKD</b> - Trồng trọt: diện tích + Cói: 82 ha bị ngập thiệt hại 50% + Lúa: 110ha bị ngập thiệt hại 50% + Hoa màu 4ha bị ngập thiệt hại 50% - Thủy sản: diện tích 113ha bị ngập thiệt hại 70%	* <b>VC:</b> - Do vỡ đê xã Nga Phú ngập xuống vùng trũng - Diện tích cói ở vùng trũng, thu hoạch không kịp - Diện tích lúa ở vùng trũng nước triều dâng cao không tháo được * <b>TCXH:</b> - Tổ chức tuyên truyền nhưng người dân không chấp hành vì còn lo đến bảo vệ của cải.	- Tiêu nước, kê cao vật dụng - Khuyến cáo thu hoạch diện tích đến thời kỳ thu hoạch (xanh nhà hơn già đồng) - Tuyên truyền thông báo đến từng hộ nông dân về tính chất ảnh hưởng của mưa lụt - Xử lý nguồn nước, thu gom rác thải khơi thông

				<b>VSMT:</b> - Ảnh hưởng đến nguồn nước đến cộng đồng, thiếu nước sinh hoạt cho phụ nữ - Ô nhiễm môi trường, nguy cơ xảy ra các dịch bệnh sau lụt: tả, ngứa, sốt xuất huyết...	<b>* NTKN:</b> - Người dân chủ quan chưa đắp bờ cao, dẫn đến thiệt hại nặng thủy sản - Chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi trong khu dân cư - Thiếu hệ thống dự trữ nước - Nhà vệ sinh chưa đạt tiêu chuẩn - Chăn nuôi chưa quy hoạch, xả thải bừa bãi	công rãnh. - Tuyên truyền cho người dân tích cực tham gia sử dụng nguồn nước sạch. - Cải tạo nâng cấp hệ thống nước sử dụng, xây dựng lại công trình nhà vệ sinh.
12/2014-1/2015	<b>Rét đậm, rét hại</b>	Rét kéo dài 1 tháng, nhiệt độ thấp từ 5-6 <sup>0</sup> C, - Rét ngày càng nhiều, nhiệt độ xuống thấp hơn, kéo dài hơn.	Toàn xã	<b>* ATCĐ:</b> - Chết 02 người già (01 nam, 01 nữ) <b>* SXKD:</b> - Lúa, mạ bị chết 70% - Vật nuôi, gia súc gia cầm chết (50%) lợn, gà, vịt - Nuôi trồng thủy hải sản chết (70%) - Cây hoa màu chết 80% - Cây lưu niên giảm năng suất (60%) hồng xiêm, dừa, bưởi <b>* Sức khỏe VSMT:</b> - Người già trẻ mắc bệnh về đường hô hấp - Ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến nguồn nước nuôi trồng thủy hải sản	<b>* VC:</b> - Người cao tuổi cơ thể yếu, có tiền sử mắc bệnh - Trẻ em thì do người lớn chủ quan <b>* TCXH:</b> - Báo cáo với cấp trên về thiệt hại, khuyến cáo người dân ủ ấm cho người, gia súc gia cầm, ủ ấm cho mạ non <b>* NTKN:</b> - Che phủ bằng ni lông cho mạ - Bơm nước giữ ấm chân cho lúa - Che phủ chuồng trại chăn nuôi - Đốt trấu sưởi ấm	- Tuyên truyền phòng chống rét - Đốt củi sưởi ấm, không ra ngoài khi nhiệt độ lạnh giảm sâu - Bơm nước cao, sử dụng bèo để chống rét cho nuôi trồng thủy sản - Tăng cường dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm
Tháng 7-8/2005	Nhiễm mặn	- Nước biển lấn sâu vào đất liền 1,5 km. Độ mặn 28-30‰, - Nhiễm mặn diện rộng, độ mặn tăng hơn	Toàn xã	<b>* ATCĐ:</b> - Đê vỡ 1,5 km <b>* SXKD:</b> - Cây cói thiệt hại 70% (80 ha) - Cây hoa màu thiệt hại 60% (30 ha) - Cây lưu niên thiệt hại 40% (7 ha) - Nuôi trồng thủy hải sản 100% <b>* Sức khỏe VSMT:</b> - Ô nhiễm môi trường, đồng ruộng bị xâm nhập mặn - Thiếu nước sinh hoạt và sản xuất	<b>* VC:</b> - Do đê yếu - Thủy triều dâng cao <b>* TCXH:</b> - Chưa thường xuyên cử cán bộ kiểm tra độ mặn <b>* NTKN:</b> - Rắc vôi bột, khơi thông kênh mương nội đồng	- Bổ sung nguồn nước ngọt để thau chua, rửa mặn - Chuyển đổi con giống cho phù hợp với độ mặn - Tập huấn kiến thức về chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản - Đầu tư hệ thống cống tiêu thoát nước mặn
5/2014	Hạn Hán	- Nắng nóng kéo dài 2 tháng, nhiệt độ từ 39 đến 42 <sup>0</sup> C - Nắng nóng ngày càng nhiều, gay gắt hơn, nhiệt độ cao hơn, kéo dài hơn	Toàn xã	<b>* ATCĐ:</b> - Người già chết: 03 người, 02 nam, 01 nữ <b>* SXKD:</b> - Lúa, mạ chết 70% - Cói chết 50% - Nuôi trồng thủy sản chết 40% - Gia súc, gia cầm chết 40% - Cây hoa màu chết 50% - Cây lưu niên giảm sinh trưởng, giảm năng	<b>* VC:</b> - Người già chết do nắng nóng kéo dài, có tiền sử bệnh cao huyết áp <b>* TCXH:</b> - Chưa có sự điều tiết nước kịp thời từ thủy nông do xã cuối nguồn <b>* NTKN:</b> - Bơm nước, che chắn nắng nóng, bổ sung đầy đủ thức ăn dinh dưỡng cho gia	- Tổ chức tuyên truyền cho người dân về cách phòng chống hạn hán - Đề nghị cấp trên tăng cường bơm nước - Xử lý xác động thực vật chết - Làm mát chuồng trại bằng quạt điện, quạt gió

				suất 17 ha * <b>Sức khỏe VSMT:</b> - Ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng nguồn nước - Thiếu nước sinh hoạt và thiếu nguồn nước sản xuất	sức, gia cầm - Không đi làm vào các thời điểm nắng nóng
--	--	--	--	--	--

**Công cụ 3: Lịch theo mùa xã Nga Tiến :**

Thiên tai	Tháng (Dương lịch)												Xu hướng của thiên tai			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12				
<b>Bão</b>																Tăng dần các năm, khó dự báo, dự đoán, cường độ ngày càng mạnh
<b>Lụt</b>																Tăng dần theo các năm, kéo dài hơn, ngập sâu hơn
<b>Hạn Hán</b>																Nhiệt độ cao từ 40-42°C, nắng gay gắt, kéo dài hơn
<b>Nhiễm mặn</b>																Ngày càng tăng trên diện rộng, độ mặn cao hơn
<b>Rét đậm, rét hại</b>																Nhiệt độ xuống thấp hơn, kéo dài hơn
<b>Hoạt động KT-XH</b>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	<b>Ảnh hưởng của thiên tai</b>	<b>Tại sao ? ( đánh giá TTDBTT)</b>	<b>Kinh nghiệm PCTT (NLPCTT)</b>	
Nông nghiệp: 36% thu nhập - Trồng cói chiếm 12% Tham gia Nam: 60%, nữ 40%													- Hạn hán cây cói thiếu nước ngọt, kém phát triển, giảm năng suất - Bị Bão, lụt dẫn đến đổ non, gây mất trắng - Nghề vất vả, nguy hiểm dễ gây tai nạn - Bệnh phụ khoa với phụ nữ - Giảm sức lao động, dẫn đến thu nhập thấp, bỏ nghề	*Vật chất: - Xa nguồn nước tưới tiêu - Vùng trũng thiếu nguồn nước * TCXH: - Không có bảo hiểm cho cói - Thị trường trôi nổi, người dân bỏ nghề - Năng lực HTX quản lý kém * NTKN: - Một số hộ chưa chủ động trong việc chăm sóc và thu hoạch	- Khuyến cáo người dân chăm sóc - Hỗ trợ máy móc bơm nước cho các hộ - Đã có HTX dịch vụ trồng cói 109 ha	
Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản chiếm 10% tham gia SX Nam 80%, nữ 20%													- Bão, lụt, hạn hán, nhiễm mặn làm mất diện tích nuôi trồng, con giống - Nguồn lợi thủy sản giảm - thu nhập giảm mạnh - Nguy hiểm chết người, mất tài sản ngư cụ	*VC: Bờ bao thấp, hệ thống giao thông thủy lợi không phù hợp - Thiếu điện, công suất thấp, chưa đánh bắt xa bờ *TCXH: - Quy hoạch thiếu đồng bộ; * NTKN, TĐĐC: - Do ô nhiễm nguồn nước - Người dân chủ quan, thiếu kiến thức	* NTKN, TĐĐC: - Khuyến cáo người dân phòng chống - Điều chỉnh quy hoạch - Đầu tư nâng cấp cầu cống, giao thông thủy lợi - Đầu tư điện cho nuôi trồng thủy sản	
Lúa chiếm 7%, tham gia SX nam 60%, nữ 40%													- Bão, lụt làm giảm năng suất - Hạn hán mất trắng - Nhiễm mặn cây trồng không	*VC: Hệ thống kênh mương không đảm bảo (hệ thống mương nổi chưa đảm bảo sản xuất) *SXKD:	* NTKN, TĐĐC: - Hỗ trợ giống - Khuyến cáo người dân về chăm sóc phòng trừ sâu bệnh	



thu nhập: - Buôn bán nhỏ tham gia SX Nữ chiếm 90%, Nam 10%														truyền thống, không có thị trường lưu thông hàng hóa - Làm giảm việc làm tại địa phương - Không tận dụng hết nguồn lao động tại địa phương	vụ chưa đa dạng - Sức lao động bỏ ra nhiều mà không có thu nhập cao - Không có kinh phí để phát triển ngành nghề truyền thống theo hướng hiện đại hóa - Chưa có khu quy hoạch để kinh doanh, buôn bán - Các doanh nghiệp được thành lập nhưng hoạt động không hiệu quả	mới - Có sự chỉ đạo của cấp ủy chính quyền - Có cơ chế hỗ trợ ưu đãi của Nhà nước - Địa phương có nhiều chính sách mở để kêu gọi đầu tư
Thu nhập khác: Làm thuê tham gia Nữ 50%, nam 50%														- Chịu ảnh hưởng của Bão, Lụt dẫn đến thu nhập thấp - Rét đậm, rét hại ảnh hưởng sức khỏe người lao động - Năng suất lao động thấp - Thu nhập không ổn định	- Chưa có bảo hộ lao động, chủ yếu là lao động phổ thông chưa qua đào tạo nghề - Các dịch vụ xã hội của xã thấp - Chưa có bảo hộ lao động - Đa phần các công việc đều không có bảo hiểm lao động	- Lực lượng lao động dồi dào trẻ, khỏe - Tuyên truyền người lao động chủ động trong lao động an toàn

#### Phân tích giới xã Nga Tiến:

Vai trò của nam giới hay phụ nữ trong việc sản xuất kinh doanh/đảm bảo thu nhập của gia đình	Các khó khăn về công việc sản xuất kinh doanh của phụ nữ và nam giới trong mùa thiên tai	Ảnh hưởng đối với thu nhập của gia đình khi thiên tai xảy ra (theo cách phân chia công việc hiện tại)	Các thay đổi (nếu cần) về công việc để giảm thiểu thiệt hại về thu nhập gia đình	Nhu cầu hỗ trợ từ các tổ chức trong thôn, xã để ít bị ảnh hưởng hoặc có thể khôi phục nhanh sau thiên tai.
Trồng cói tham gia SX Nam: 60%, nữ 40%. Nguồn thu nhập chính của gia đình dựa vào nam giới	- Nghề vất vả, nguy hiểm dễ bị tai nạn - Nhiều phụ nữ bị mắc bệnh phụ khoa (90%). - Nam giới bị tai nạn lao động, bệnh tật	Khi thiên tai bị mất sản phẩm làm giảm thu nhập, có khi không có thu nhập, phải bỏ nghề, nam, nữ đi làm ăn xa, các gia đình chỉ có người già và trẻ em	- Chuyển đổi diện tích trồng cói sang trồng lúa và nuôi trồng thủy sản - Hỗ trợ máy móc bơm nước cho các hộ	- Cần sự vào cuộc của các cấp chính quyền trung ương đến địa phương để duy trì nghề truyền thống

<p>Trồng lúa Lúa tham gia SX nam 60%, nữ 40%. Nguồn thu nhập chính của gia đình dựa vào nam giới</p>	<p>- Ảnh hưởng sức khỏe, bị bệnh nhiều do dùng thuốc bảo vệ thực vật chủ yếu là nam giới. - Nữ bị bệnh phụ khoa do ruồng sâu, nước bị nhiễm các loại thuốc bảo vệ thực vật, chị em phải ngâm nước để SX</p>	<p>Khi Bão, lụt, hạn hán làm giảm năng suất, mất mùa không đủ lương thực cho gia đình, nam phải đi làm thuê để kiếm thêm thu nhập</p>	<p>- Hỗ trợ giống mới có năng suất cao - Khuyến cáo cho nam, nữ về cách chăm sóc phòng trừ sâu bệnh - Tập huấn kiến thức về trồng trọt cho nam, nữ</p>	<p>- HTX nông nghiệp nâng cao năng lực để quản lý vật tư nông nghiệp, bao tiêu sản phẩm, tìm đầu ra để tăng thu nhập cho các hộ gia đình. - Sau thiên tai hỗ trợ giống cây trồng kịp thời</p>
<p>Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản tham gia SX Nam 80%, nữ 20%. Nguồn thu nhập chính của gia đình dựa vào nam giới</p>	<p>Nguy cơ chết người, giảm sức khỏe với nam giới do thuyền nhỏ, thô sơ, thiếu trang thiết bị. Nhiều nam bị chết khi đi đánh bắt trên biển nên số phụ nữ đơn thân lớn (xóm 9 có 200 hộ trong đó 81 hộ nữ đơn thân)</p>	<p>- Nghề đánh bắt khi có Bão, không đi biển được không có thu nhập nên hộ nghèo tăng hơn, nhà tạm bợ nhiều. - Nghề nuôi trồng bị bão lụt, hạn hán, nhiễm mặn làm mất diện tích nuôi trồng, mất con giống có khi mất trắng bị phá sản không thể trả nợ cho ngân hàng</p>	<p>- Khuyến cáo ngư dân mua sắm trang thiết bị, chung nhau vay vốn đóng thuyền lớn đánh bắt xa bờ. - Nuôi trồng kết hợp chế biến để tăng thu nhập</p>	<p>- Điều chỉnh quy hoạch nuôi trồng thủy sản (vùng chuyên canh) - Đầu tư nâng cấp cầu cống, giao thông thủy lợi. - Tạo đầu ra cho nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy sản</p>
<p>Chăn nuôi tham gia nam 40%, nữ 60%</p>	<p>Ảnh hưởng đến sức khỏe của nam, nữ do ô nhiễm môi trường vì chuồng trại chưa đảm, hệ thống nước thải kém, thải chất thải trực tiếp ra môi trường, hầm bioga ít</p>	<p>- Thu nhập giảm, nữ đi làm thuê theo thời vụ, làm thuê ở các xí nghiệp</p>	<p>- Nâng cao hệ thống chuồng trại, hệ thống nước thải - Tuyên truyền phổ biến tiêm phòng theo định kỳ - Hỗ trợ đầu ra</p>	<p>- Trung tâm khuyến nông huyện, hướng dẫn và khuyến cáo người dân cách phòng chống dịch bệnh theo mùa trong chăn nuôi. - Tạo đầu ra cho chăn nuôi</p>
<p>Hoa màu tham gia nam 30%, nữ 70%</p>	<p>Chăm sóc trồng hoa màu tốn rất nhiều công, cần tỹ mĩ, chịu khó, đa phần thời gian đều phải ở ngoài đồng ruộng không có thời gian nghỉ ngơi.</p>	<p>Bão , Lụt, rét hại gây ảnh hưởng đến năng suất hoa màu có khi mất trắng không có thu nhập phụ nữ bị phụ thuộc</p>	<p>- Chuyển đổi trồng các loại cây ít bị thiệt hại. - Đi làm thuê để tăng thu nhập</p>	<p>- Nâng cao hệ thống kênh mương tưới để phục vụ sản xuất - Tổ chức tập huấn</p>
<p>Tiểu thủ công nghiệp (22%) Chiếu cói, lõi (Nam 20%, nữ 80%)</p>	<p>Tai nạn lao động, nghề, vất vả, phải dùng hóa chất để xử lý nguyên liệu nên phụ nữ thường bị mắc bệnh</p>	<p>- Khi thiên tai thu hoạch cây cói sớm chất lượng không đảm bảo làm giảm giá trị hàng hóa nên thu nhập thấp. - Đầu ra không ổn định, giá thành bấp bênh tư tưởng bỏ nghề truyền thống</p>	<p>- Phải đa dạng ngành nghề tăng thu nhập để giữ nghề truyền thống</p>	<p>- HTX phát huy được vai trò của mình, tạo đầu ra cho sản phẩm truyền thống - Kiên cố hóa kênh mương tưới tiêu làm tăng giá trị nguyên liệu</p>



Buôn bán nhỏ, tham gia Nữ chiếm 90%, Nam 10%	Chủ yếu kinh doanh hộ gia đình nhỏ lẻ, phải có vốn nhưng do người dân thu nhập không ổn định, mua chịu nợ đọng nên có khi mất vốn	Khi thiên hư hồng lều quán, mất hàng hóa, giảm thu nhập của phụ nữ	Nhiều phụ nữ không duy trì được phải đi làm thuê cho các xí nghiệp để đảm bảo duy trì sinh hoạt gia đình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà nước hỗ trợ vay vốn</li> <li>- Địa phương có nhiều chính sách ưu đãi</li> </ul>
Thu nhập khác Làm thuê (Nữ 50%, nam 50%)	Nam đi làm thợ, đi xuất khẩu lao động nữ đi làm công ty phải xa gia đình	Đa phần các công việc đều không có bảo hiểm lao động		Tạo nhiều việc làm cho lao động tại địa phương,

**Công cụ 4: Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai tại xã Nga Tiến**



**Bảng 4 : Tổng hợp thông tin công cụ sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai**

Thiên tai	Xu hướng của thiên tai	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực PCTT	Rủi ro thiên tai
- <b>Bão - Lụt</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bão tăng dần các năm, khó dự báo, cường độ ngày càng mạnh hơn</li> <li>- Lụt tăng dần theo các năm, kéo dài hơn, ngập sâu hơn, không theo quy luật</li> </ul>	<p><b>1. An toàn cộng đồng</b></p> <p><b>* Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 200 người sống trong vùng nguy cơ cao cần sơ tán chủ yếu là vùng nuôi trồng thủy hải sản (nam 120 người, nữ 80%)</li> <li>- 3.500 người sống trong nhà không kiên cố (nữ 1.700, nam 1.800)</li> <li>- Nhà bán kiên cố 700, nhà tạm bợ 120</li> <li>- Chưa có nhà vệ sinh trong trường học</li> <li>- 3,5km đường trục chính xuống cấp, hư hỏng nghiêm trọng</li> <li>- 9/10 nhà văn hóa bán kiên cố, trong đó có 01 nhà không đảm bảo an toàn</li> <li>- một số tàu thuyền xuống cấp, thiếu trang thiết bị</li> <li>- Đường điện xương cá xuống cấp mất an toàn</li> <li>- Dụng cụ loa truyền thanh không đảm bảo.</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác tuyên truyền chưa thực hiện thường xuyên</li> <li>- Không có trang thiết bị cho đội dân quân trung đội mạnh</li> <li>- Kinh phí ít</li> <li>- Công tác diễn tập PCTT hằng năm chưa được thực hiện</li> <li>- Sự phối hợp giữa các đoàn thể về công tác PCTT chưa đồng bộ</li> <li>- Thành viên ban chỉ huy PCTT ít nữ (07 nữ)</li> <li>- Lực lượng thanh niên xung kích, Chữ thập đỏ thường xuyên đi làm ăn xa</li> <li>- Thiếu kinh phí cho công tác tuyên truyền cảnh báo sớm về thiên tai</li> <li>- Thiếu kinh phí để đánh giá công tác PCTT tại cộng đồng</li> <li>- 5/10 thôn chưa xây dựng kế hoạch PCTT</li> <li>- 03 nhà trường không xây dựng kế hoạch PCTT hằng năm.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức kinh nghiệm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức PCTT của người dân chưa cao (nam 2.000, nữ 1.900)</li> <li>- Ý thức về chấp hành lệnh di dân khi có thông báo</li> <li>- 200 hộ chưa chủ động phương châm “4 tại chỗ”</li> </ul>	<p><b>1. An toàn cộng đồng</b></p> <p><b>* Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số nhà kiên cố đủ làm nơi an toàn cho dân sơ tán đến: 300 nhà</li> <li>- 03 trường học (2 trường đã đạt chuẩn), trụ sở UBND xã kiên cố</li> <li>- Đường giao thông, trục chính, liên huyện đảm bảo đi lại</li> <li>- Nhà văn hóa đảm bảo hoạt động của nhân dân</li> <li>- Phương tiện cứu hộ, cứu nạn: 71 tàu thuyền, loa cầm tay, áo phao, đèn pin</li> <li>- 10/10 xóm có loa truyền thanh</li> </ul> <p><b>* Tổ chức xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành lập và kiện toàn hằng năm ban chỉ huy PCTT</li> <li>- Thành lập trung đội mạnh và đội dân quân</li> <li>- Trục thiên tai 24/24</li> <li>- Thành viên ban chỉ huy PCTT nhiều nam (27 nam)</li> <li>- Kiện toàn lực lượng thanh niên xung kích</li> <li>- Số công tác viên tuyên truyền 10 xóm đều tham gia nhiệt tình</li> <li>- Xây dựng phương án PCTT hằng năm</li> <li>- 05 thôn xây dựng được kế hoạch PCTT</li> </ul> <p><b>* Nhận thức kinh nghiệm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1.200 nam, 1.200 nữ chấp hành nghiêm lệnh di dời</li> <li>- 900 hộ dân thực hiện tốt công tác vật tư phòng chống thiên tai</li> <li>- 500 người chấp hành tốt, có ý thức</li> <li>- Không phân biệt nam nữ trong việc tham gia công tác PCTT</li> </ul>	<p><b>1. An toàn cộng đồng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguy cơ người chết và bị thương khi có thiên tai</li> <li>- Nhà bị sập, tóc mái khi có thiên tai</li> <li>- 3,5 km đường trục chính xuống cấp, hư hỏng không đảm bảo an toàn</li> <li>- Hệ thống truyền thanh chưa đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo khi có thiên tai</li> <li>- Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn còn thiếu không đảm bảo công tác diễn tập và cứu hộ, cứu nạn</li> <li>- Tàu thuyền hư hỏng mất an toàn</li> <li>- Đường điện xương cá xuống cấp mất an toàn</li> </ul>

	<p>- Có 1.300 người (900 nam, 400 nữ) có tư tưởng i lại cấp trên.</p> <p><b>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</b>  <b>*Vật chất:</b>  - Trạm y tế thiếu trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác khám chữa bệnh  + Cán bộ y tế thiếu, chưa có cán bộ có chuyên môn cao  - Nước sạch:  + Thiếu nguồn nước sạch: 20%  + 5% chưa có bể chứa nước  - Điều kiện vệ sinh môi trường:  + Bãi rác chưa đủ sức chứa  + Hệ thống cấp thoát nước bằng mương đất chưa đảm bảo vệ sinh  + Nhà vệ sinh tạm bợ 40%  + 520 hộ dân có nguy cơ không đảm bảo vệ sinh khi có thiên tai  + 120 hộ chăn nuôi chuồng trại chăn nuôi không đảm bảo  + 01 nghĩa trang chưa được xây tường bao; chưa chôn cất đúng quy định, theo quy hoạch  - Thuốc men, lương thực dự trữ trong tình trạng khẩn cấp:  + Thiếu các loại thuốc đặc trị  + Lương thực dự trữ ít, chưa đảm bảo  - Khả năng phòng ngừa dịch bệnh  + Dịch bệnh bùng phát xảy ra khi có thiên tai như: Tiêu chảy, chân tay miệng, đau mắt đỏ  <b>*Tổ chức xã hội:</b>  - Chưa quan tâm hỗ trợ kịp thời  - Một số hộ dân xả rác thải bừa bãi không đúng nơi quy định  - Chưa có thùng rác công cộng  - Một số bà mẹ đang trong độ tuổi sinh sản và nuôi con nhỏ chưa có ý thức tiêm chủng đầy đủ theo quy định  - Mạng lưới y tế cộng đồng chưa được đào tạo chuyên nghiệp  <b>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</b>  - Người dân thiếu hiểu biết về PCTT, VSMT  - Chưa có ý thức khám bệnh định kỳ và mua thuốc theo đơn của bác sĩ  - Chưa quan tâm đến hạn sử dụng của lương thực, thực phẩm  - Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng quy định,</p>	<p><b>3.Sức khỏe, vệ sinh, môi trường; *Vật chất:</b>  - Có trạm y tế đang xây dựng 2 tầng có phòng 10 sẽ hoàn thiện và đưa vào sử dụng cuối năm 2018 . Trạm có trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh.  Đội ngũ cán bộ đã qua đào tạo, 01 nam, 02 nữ có trình độ cao đẳng và trung cấp  - Người dân sử dụng nước sạch: 80%  - 95% số hộ dân có bể chứa nước  - Đã có nơi thu gom rác thải có 1 bãi tập kết rác thải xa dân  - có 60% nhà vệ sinh tự hoại  - 180 hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường  - Đã quy hoạch nghĩa trang gồm 02 khu, 01 khu đã xây dựng tường bao.  - Đã dự trữ các loại thuốc khi cần thiết  - Đã có sự chuẩn bị lương thực: 100 thùng mì, thùng nước sạch  - Có sự hỗ trợ của trung tâm y tế huyện như phun thuốc diệt muỗi tiêu độc, khử trùng nguồn nước  <b>*Tổ chức xã hội:</b>  - Đã có công ty VSMT thu gom rác thải 02 lần/tuần vào thứ 2 và thứ 5  - Các tổ chức, đoàn thể như: Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ tổ chức tổng dọn vệ sinh môi trường 01 tháng/01 lần/ năm vào chủ nhật cuối tháng  - Tuyên truyền nhân dân có ý thức tự giác trong việc bảo vệ môi trường  - Trạm y tế, mạng lưới y tế cộng đồng, Hội Chữ thập đỏ thường xuyên quân tâm phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân  - Trạm y tế: Tiêm chủng định kỳ cho bà mẹ mang thai và trẻ em trong độ tuổi khám sức khỏe định kỳ, tư vấn sức khỏe cho người cao tuổi, người có công với cách mạng  <b>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</b>  - Có kinh nghiệm chăm sóc sức khỏe sau thiên tai  - Đa số người dân có ý thức bảo vệ môi trường  - Có ý thức dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc trong mùa mưa bão  - 100% người dân bãi ngang được cấp thẻ BHYT</p>		<p><b>3.Sức khỏe, vệ sinh, môi trường;</b>  - Người dân chưa chủ động trong công tác khám chữa bệnh định kỳ, thiếu hiểu biết về thuốc, các loại bệnh xảy ra trong mùa mưa bão  - Ý thức của người dân trong quản lý vệ sinh môi trường ở khu dân cư khi thiên tai xảy ra chưa tốt  - Có nguy cơ ô nhiễm môi trường khi có thiên tai xảy ra  - Nguy cơ dịch bệnh sau thiên tai  - Nhà vệ sinh hư hỏng, không đảm bảo khi có thiên tai  - Thiếu thùng rác nơi công cộng</p>
--	--	---	--	---

		chưa có phòng hộ đảm bảo		
<b>Hạn hán, nhiễm mặn</b>	Nhiệt độ ngày càng tăng cao, có khi lên đến 40-42°C, kéo dài hơn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kênh mương không đảm bảo: 60,02 km chiếm 97.1 %.</li> <li>- Trạm bơm công suất thấp không đủ nước tưới cho lúa và hoa màu.</li> <li>- Thiếu nguồn nước ngọt.</li> <li>- Công nước nhỏ chưa đảm bảo giữ nước.</li> <li>- Địa phương không có nguồn kinh phí để xây hồ giữ nước.</li> <li>- Cấp trên chưa quan tâm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kênh mương kiên cố : 1.8 km.</li> <li>- Có 4 trạm bơm phục vụ nước tưới tiêu.</li> <li>- Tuyên truyền nhân dân chống hạn, nhiễm mặn.</li> <li>- Ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ nhiệt tình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kênh mương sạt lở, hư hỏng không đảm bảo nước tưới</li> <li>- Năng suất cây trồng giảm, thu nhập thấp.</li> <li>- Gia súc gia cầm bị chết, bị dịch bệnh.</li> <li>- Hạn hán, nhiễm mặn nguyên liệu cho dệt chiếu đánh lỗi bị giảm không đủ để sản xuất</li> <li>- Thủy sản mất con giống, giảm năng suất.</li> </ul>
<b>Rét đậm, rét hại</b>	Xu hướng ngày càng nhiều, nhiệt độ xuống thấp, kéo dài, xảy ra nhiều	<p><b>2. Sản xuất- kinh doanh:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo</li> <li>- Gieo mạ chưa phủ ni lông</li> <li>- Cói: Kho dự trữ nguyên liệu chưa có</li> <li>- Thủy sản: con giống trôi nổi, không chịu được rét</li> </ul> <p><b>3. Sức khỏe, VSMT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà cửa chưa đảm bảo chống rét</li> <li>- Tỷ lệ người già, trẻ em cao</li> </ul>	<p><b>2. Sản xuất- kinh doanh:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ đã biết che chắn chuồng trại khi có rét</li> <li>- Đã tiêm phòng định kỳ 1 năm 2 lần cho đàn gia súc, gia cầm</li> <li>- Không thả rông gia súc</li> <li>- Thủy sản: đã có sục nước tạo oxy</li> </ul> <p><b>3. Sức khỏe, VSMT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị chống rét cá nhân đã đảm bảo</li> <li>- Trạm y tế đã tiêm phòng cho phụ nữ mang thai và trẻ em</li> <li>- 100% có BHYT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh</li> <li>- Mạ chết, lúa và hoa màu giảm năng suất</li> <li>- Thủy sản giảm năng suất, thu nhập thấp</li> <li>- Nguy cơ các bệnh về đường hô hấp của người già và trẻ em</li> </ul>

**Công cụ 5: Điểm mạnh, điểm yếu trong công tác phòng chống thiên tai tại xã Nga Tiến:**

STT	Hạng mục	Điểm mạnh	Điểm yếu
1	<b>Năng lực bộ máy PCTT xã Nga Tiến</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hằng năm kiện toàn công tác tổ chức, phân công giao nhiệm vụ cho từng bộ phận và cá nhân phụ trách</li> <li>- Xây dựng phương án PCTT hằng năm</li> <li>- Đội ngũ cán bộ có thức, trách nhiệm, nhiệt tình, khi có thiên tai thường trực 24/24</li> <li>- Hằng năm tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm trong việc thực hiện PCTT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm chưa chuyên sâu, chưa được đào tạo, chưa có quy chế hoạt động của ban chỉ huy PCTT</li> <li>- Một số tổ chức, cá nhân, ý thức tổ chức chưa cao, chưa phối hợp chặt chẽ trong PCTT</li> <li>- Một số cán bộ thiếu kiến thức, năng lực còn hạn chế</li> <li>- Lập kế hoạch PCTT chưa có sự tham gia của người dân</li> </ul>
2	<b>Hệ thống thông tin cảnh báo sớm</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống truyền thanh phủ đều trên toàn xã, mỗi xóm 2-3 loa</li> <li>- Thông tin về thiên tai của ban chỉ huy PCTT nhanh, kịp thời</li> <li>- Khi có thiên tai thường xuyên phát thông tin trên loa truyền thanh từ xã đến xóm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng ven biển và khu vực nuôi trồng thủy sản chưa có loa truyền thanh</li> <li>- Cán bộ xóm chưa được tập huấn công tác thông tin cảnh báo sớm</li> <li>- Hệ thống loa tại các xóm đang có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp</li> <li>- Chưa có hệ thống cảnh báo sớm</li> </ul>

3	<b>Công trình PCTT Đê, cống, trạm bơm</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đê đã được xây 2 đê 2 vòng</li> <li>- Hệ thống cống được kiên cố hóa (04 cống)</li> <li>- Có 4 trạm bơm điều tiết nước cục bộ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đê chưa được kiên cố, người dân tận dụng chân đê làm thủy sản</li> <li>- Hệ thống cống nước chưa đủ để tiêu thoát nước trong mùa thiên tai</li> <li>- Chưa có đập giữ nước, còn phụ thuộc nhiều vào tự nhiên</li> </ul>
	<b>Nơi neo đậu tàu thuyền</b>	Đã có nơi neo đậu tàu để cho 71 thuyền đánh bắt thủy sản của người dân trú ẩn khi có thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu neo đậu tàu thuyền chưa an toàn, mới chỉ đảm bảo cho các tàu thuyền công suất nhỏ dưới 40CV phục vụ cho đánh bắt gần bờ vào tránh trú</li> </ul>
	<b>Nhà sơ tán</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 1 nhà tránh trú bão, lụt được xây tại xóm 7 (dự án care hỗ trợ)</li> <li>- Trụ sở UBND, trường tiểu học, trường mầm non và một số nhà ở kiên cố của người dân có thể làm địa điểm sơ tán khi có thiên tai xảy ra</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà tránh trú bão lụt ở xóm 7 và một số nhà kiên cố trong xóm vẫn chưa đủ làm nơi sơ tán cho toàn xóm 7 khi có thiên tai xảy ra.</li> <li>- Các công trình trường học, trụ sở UBND và nhà kiên cố của các hộ dân chưa đảm bảo nhu cầu làm nơi tránh trú cho toàn xã khi có bão lụt xảy ra; lại chưa có công trình vệ sinh, nguồn nước và các phòng ở cho nam, nữ.</li> <li>- Người dân chưa chủ động sơ tán khi có lệnh điều động của UBND xã</li> </ul>
4	<b>Phương châm 4 tại chỗ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ huy tại chỗ: Kiện toàn BCD phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực, ứng phó khi có bão lũ gây ra</li> <li>- Lực lượng tại chỗ: Trục 24/24, huy động lực lượng di dân canh đê hộ đê, bảo vệ tài sản (nam chiếm 90%, nữ 10%).</li> <li>- Hậu cần tại chỗ: Có nguồn dự trữ lương thực, thực phẩm, nước uống, cơ số thuốc cho PCTT (mỳ tôm 100 thùng đặt tại 3 đại lý; Nước uống, nước dự trữ đảm bảo phục vụ khi có thiên tai). Chuẩn bị cho công việc này chiếm nam chiếm 80%, nữ 20%</li> <li>- Vật tư, phương tiện tại chỗ: Giao chỉ tiêu cho các xóm vật tư: bó rơm, bao bì, cọc tre, đá học, cát, sọt sắt, xe tải, tàu thuyền và tiền mặt 100 triệu tại quỹ UBND xã.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số cán bộ còn hạn chế về năng lực. kỹ năng ứng phó với thiên tai</li> <li>- Công tác huy động chưa kịp thời như việc huy động lực lượng canh đê, hộ đê.</li> <li>- Một số vật tư chất lượng kém, phương tiện xe tải huy động khó, chưa kịp thời.</li> <li>- Một số đại lý chưa dự trữ nhiều hàng hóa, chưa cung cấp các mặt hàng như mỳ tôm, lương khô, nước uống, ... đáp ứng nhu cầu người dân khi có thiên tai xảy ra</li> </ul>
5	<b>Nhận thức, kinh nghiệm, ý thức chấp hành của người dân</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số người dân có hiểu biết, có kinh nghiệm về phòng chống thiên tai; Chủ động dự trữ nhu yếu phẩm khi có thiên tai</li> <li>- Chấp hành nghiêm về thực hiện kế hoạch PCTT của xã</li> <li>- Tập huấn kiến thức PCTT, tham gia các hoạt động PCTT nam chiếm 90%</li> <li>- Vật tư chuẩn bị cho PCTT giao chỉ tiêu hàng năm cho các thôn</li> <li>- Có 68,3% người dân nắm bắt thông tin cảnh báo về thiên tai, nữ quan tâm nhiều hơn nam; Nữ được quyết định về đóng góp PCTT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân chưa được tập huấn thường xuyên và chưa được diễn tập PCTT</li> <li>- Chưa có các kỹ năng ứng phó với thiên tai</li> <li>- Một số người dân vẫn còn chủ quan</li> <li>- Lực lượng lao động chính đi làm ăn xa nhiều, ở tại các gia đình chủ yếu là người già và trẻ em.</li> <li>- Tỷ lệ hộ nghèo cao, nhà tạm bợ nhiều</li> <li>- Nữ ít tham gia tập huấn PCTT và hoạt động PCTT (10%).</li> <li>- Phụ nữ đơn thân nuôi con một mình chiếm tỷ lệ cao (20%)</li> </ul>



Thiên tai	Xu hướng của thiên tai	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực PCTT	Rủi ro thiên tai
<b>Bão Lụt</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bão tăng dần các năm, khó dự báo, cường độ ngày càng mạnh hơn</li> <li>- Lụt tăng dần theo các năm, kéo dài hơn, ngập sâu hơn, không theo quy luật</li> </ul>	<p><b>1. An toàn cộng đồng</b></p> <p><b>* Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 200 người sống trong vùng nguy cơ cao cần sơ tán chủ yếu là vùng nuôi trồng thủy hải sản (nam 120 người, nữ 80 người)</li> <li>- Có 3.500 người sống trong nhà không kiên cố (nữ 1.700, nam 1.800)</li> <li>- Nhà bán kiên cố 468 (trong đó 150 nằm trong vùng nguy cơ cao chiếm 10.9 %), Nhà thiếu kiên cố là 52 (trong đó 12 nhà nằm trong vùng nguy cơ cao chiếm 1 %); nhà tạm bợ 218 trong đó (49 Nhà nằm trong vùng nguy cơ cao chiếm 3.6 %).</li> <li>- Trường trung học cơ sở chưa đạt chuẩn, xuống cấp 10 phòng.</li> <li>- Trường học thiếu trang thiết bị, 3 nhà trường không xây dựng kế hoạch tập huấn phòng chống thiên tai. Giáo viên và học sinh chưa được tập huấn kiến thức phòng chống thiên tai và khả năng sơ cấp cứu. Tài liệu tuyên truyền chưa có, hình thức tuyên truyền chủ yếu phụ thuộc vào truyền thanh xã.</li> <li>- Chưa có nhà vệ sinh trong trường học</li> <li>- 3,5km đường trục chính xuống cấp nghiêm trọng. 28 km đường giao thông nội đồng, 1 km đường giao thông thôn xóm xuống cấp.</li> <li>- 9/10 nhà văn hóa bán thiếu kiên cố do nhà cấp 4 xây dựng lâu năm.</li> <li>- Một số tàu thuyền xuống cấp, thiếu trang thiết bị.</li> <li>- Chưa có dụng cụ phao cứu sinh.</li> <li>- Đường điện xương cá xuống cấp mất an toàn, môi trường nước mặn phá hủy nhanh công trình.</li> <li>- Dụng cụ loa truyền thanh không đảm bảo</li> <li>- Hệ thống loa tại các xóm đang có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp</li> <li>- Chưa có hệ thống cảnh báo sớm</li> <li>- Đê chưa được kiên cố, người dân tận dụng chân đê làm thủy sản</li> <li>- Hệ thống cống nước chưa đủ để tiêu thoát nước trong mùa thiên tai, có 2 cống dưới đê hư hỏng, không an toàn do xây lâu ngày không được nâng cấp tu sửa.</li> <li>- Chưa có đập giữ nước, còn phụ thuộc nhiều vào tự nhiên</li> <li>- Có 70 tàu thuyền công suất nhỏ dưới 18 -280 cv chủ yếu khai thác gần bờ tàu thuyền Khu neo đậu tàu thuyền chưa có.</li> <li>- Nhà lánh nạn Chưa có công trình vệ sinh, nguồn nước và phòng ở cho nam, nữ đến sơ tán</li> </ul> <p><b>*Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác tuyên truyền chưa thực hiện thường xuyên</li> <li>- Không có trang thiết bị cho đội dân quân trung đội mạnh</li> <li>- Kinh phí cho hoạt động PCTT chưa đáp ứng nhu cầu</li> <li>- Công tác diễn tập PCTT hằng năm chưa được thực hiện</li> <li>- Sự phối hợp giữa các đoàn thể về công tác PCTT chưa đồng bộ</li> <li>- Thành viên ban chỉ huy PCTT = 33 người ( 26 nam, 7 nữ ) .</li> </ul>	<p><b>1. An toàn cộng đồng</b></p> <p><b>* Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số nhà kiên cố đủ làm nơi an toàn cho dân sơ tán đến: 636 nhà, trong đó có 200 nhà có thể làm nơi lánh nạn chiếm 14.6 %.</li> <li>- Có 02 trường học đảm bảo an toàn cho học sinh, trụ sở UBND xã kiên cố.</li> <li>- Đường giao thông, trục chính, liên huyện đảm bảo đi lại</li> <li>- Có 10/10 nhà văn hóa thôn để sinh hoạt cộng đồng</li> <li>- Phương tiện cứu hộ, cứu nạn: 70 tàu thuyền, loa cầm tay, áo phao, đèn pin.</li> <li>- Có 10/10 xóm có loa truyền thanh</li> <li>- Hệ thống truyền thanh phủ đều trên toàn xã, mỗi xóm 2-3 loa. Các hộ dân có 90 % hộ có ti vi, 70 % có di động, đài radio 30 %, mạng internet 30 %. Kịp thời nắm bắt diễn biến khi có bão lụt xảy ra.</li> <li>- Đã được xây 2 đê 2 vòng</li> <li>- Hệ thống cống: Xây dựng được 3 cống an toàn, được xây năm 2012.</li> <li>- Có 4 trạm bơm điều tiết nước cục bộ.</li> <li>- Nhà tránh trú bão kiên cố được dự án Care hỗ trợ tại xóm 7</li> <li>- Trụ sở UBND, trạm y tế và một số nhà kiên cố của các hộ dân có thể là địa điểm sơ tán an toàn</li> </ul> <p><b>*Tổ chức xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hằng năm củng cố, kiện toàn ban chỉ huy PCTT và trung đội mạnh, dân quân tự vệ, lực lượng thanh niên xung kích</li> <li>- Tổ chức trực chiến khi có thiên tai 24/24</li> <li>- Số cộng tác viên tuyên truyền 10 xóm đều tham gia nhiệt tình</li> <li>- Xây dựng phương án PCTT hằng năm</li> <li>- 05 thôn xây dựng được kế hoạch PCTT</li> <li>- Chỉ huy tại chỗ: Kiện toàn BCH phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực, ứng phó khi có bão lũ xảy ra</li> <li>- Lực lượng tại chỗ: lực lượng di dân canh đê, hộ đê, bảo vệ tài sản (nữ chiếm 10%).</li> </ul>	<p><b>1. An toàn cộng đồng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguy cơ người chết và bị thương khi có bão, lụt</li> <li>- Nhà bị sập, tóc mái khi có bão xảy ra</li> <li>- 3,5 km đường trục chính xuống cấp, hư hỏng không đảm bảo an toàn</li> <li>- Hệ thống truyền thanh chưa đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo khi có thiên tai</li> <li>- Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn còn thiếu không đảm bảo công tác diễn tập và cứu hộ, cứu nạn</li> <li>- Tàu thuyền hư hỏng mất an toàn, tàu thuyền mất an toàn do không có khu neo đậu.</li> <li>- Đường điện xương cá xuống cấp mất an toàn</li> <li>- Nguy cơ vỡ đê khi có bão cấp 11 trở lên</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lực lượng thanh niên xung kích, Chũr thập đồ thường xuyên đi làm ăn xa</li> <li>- Thiếu kinh phí cho công tác tuyên truyền cảnh báo sớm về thiên tai .</li> <li>- Thiếu vốn cho đầu tư đánh bắt xa bờ.</li> <li>- 5/10 thôn chưa xây dựng kế hoạch PCTT</li> <li>- 03 nhà trường không xây dựng kế hoạch PCTT hằng năm</li> <li>- Một số các cán bộ làm công tác PCTT hạn chế về năng lực.</li> <li>- Công tác huy động chưa kịp thời như: lực lượng canh đê, hộ đê.</li> <li>- Một số vật tư chất lượng kém, phương tiện xe tải chưa kịp thời.</li> <li>- Một số đại lý chưa cung cấp các mặt hàng đáp ứng nhu cầu người dân</li> <li>- Đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm chưa chuyên sâu, chưa được đào tạo, chưa có quy chế hoạt động của ban chỉ huy PCTT</li> <li>- Lập kế hoạch PCTT chưa có sự tham gia của người dân</li> <li>- Vùng ven biển và khu vực nuôi trồng thủy sản chưa có loa truyền thanh</li> <li>- Cán bộ xóm chưa được tập huấn công tác thông tin cảnh báo sớm.</li> </ul> <p><b>* Nhận thức kinh nghiệm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức PCTT của người dân chưa cao (nam 2.000, nữ 1.900)</li> <li>- 200 hộ chưa chủ động phương châm 4 tại chỗ</li> <li>- Người dân chưa được tập huấn thường xuyên và diễn tập PCTT</li> <li>- Chưa có các kỹ năng ứng phó với thiên tai</li> <li>- Người dân chủ quan</li> <li>- Lực lượng lao động chính đi làm ăn xa nhiều, tỷ lệ hộ nghèo cao, nhà tạm bợ nhiều</li> <li>- Nữ ít tham gia tập huấn PCTT và hoạt động PCTT (10%)</li> <li>- Người dân chưa chủ động sơ tán khi có lệnh điều động của UBND xã. Đặc biệt người dân ở vùng nuôi trồng thủy sản ở vùng mép nước chưa chịu di dân đến vùng an toàn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hậu cần: Nữ chiếm 20%</li> <li>- Vật tư, phương tiện tại chỗ: bó rỗng bao bì, cọc tre = 500, đá học = 20 m<sup>3</sup> , cát = 10 m<sup>3</sup> , Đá dăm 10 m<sup>3</sup> 10 rọ sắt = 100cái, áo phao 82 cái. xe tải, tàu thuyền. Gồm: Tiền mặt 100 triệu tại quỹ UBND xã; mỳ tôm 100 thùng đặt tại 3 đại lý; Phó Chủ tịch UBND làm trưởng ban có nữ tham gia Ban Chỉ huy PCTT; nước uống, nước dự trữ đảm bảo phục vụ khi có thiên tai.</li> <li>- Ý thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ nhiệt tình, có trách nhiệm cao</li> <li>- Hằng năm tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm trong việc thực hiện PCTT.</li> <li>- Thông tin của ban chỉ huy PCTT của xã nhanh, kịp thời</li> <li>- Thường xuyên phát thông tin trên loa truyền thanh từ xã đến xóm</li> </ul> <p><b>* Nhận thức kinh nghiệm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1.200 nam, 1.200 nữ chấp hành nghiêm lệnh đi dời.</li> <li>- 900 hộ dân thực hiện tốt công tác vật tư phòng chống thiên tai</li> <li>- 500 người chấp hành tốt, có ý thức trong PCTT</li> <li>- Đa số người dân có kiến thức, có hiểu biết, chủ động dự trữ nhu yếu phẩm khi có thiên tai</li> <li>- Thực hiện nghiêm kế hoạch PCTT của xã</li> <li>- Có ý thức tham gia tập huấn kiến thức các hoạt động PCTT nam chiếm 90%</li> <li>- Vật tư chuẩn bị cho PCTT giao chỉ tiêu cho các thôn đã thực hiện tốt.</li> <li>- 80% người dân nắm bắt thông tin cảnh báo về thiên tai, nữ quan tâm nhiều hơn nam</li> </ul>	
	<p><b>2. Sản xuất, kinh doanh</b></p> <p><b>* Vật chất:</b></p> <p>Các ngành nghề chính là sản xuất nông nghiệp chiếm 36% bị ảnh hưởng thiên tai ở mức độ rủi ro cao, ngành tiểu thủ công nghiệp 22%, dịch vụ thương mại 42% bị ảnh hưởng ở mức độ rủi ro trung bình. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngành trồng cói chiếm 12% thu nhập, tham gia sản xuất nam 60%, nữ 40%, trồng từ tháng 2 cho đến tháng 11 với diện tích 82.4 ha, vùng trũng gần biển cuối nguồn nước tưới, hệ thống kênh mương chưa đảm bảo</li> </ul>	<p><b>2. Sản xuất, kinh doanh</b></p> <p><b>* Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đồng cói, diện tích 82 ha, bảo đảm cho phát triển ngành nghề truyền thống</li> <li>- Chính quyền tạo điều kiện cơ sở vật chất và thủ tục đăng ký kinh doanh cho dịch vụ buôn bán nhỏ phát triển</li> <li>- Có lực lượng lao động trẻ khỏe</li> <li>- Có 295 công nhân ( Nữ 255, nam 40) có thu nhập cao đóng góp cho sự tăng trưởng của địa</li> </ul>	<p><b>2. Sản xuất, kinh doanh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm chiếu bị hư hỏng dẫn đến thu nhập thấp</li> <li>- Lao động nữ nguy cơ bị tai nạn trong lao động</li> <li>- Sập, đổ lều quán, hư hỏng hàng hóa mất việc làm của người buôn bán nhỏ</li> <li>- Cây cói bị đổ ngã sớm và</li> </ul>



	<p>- Trồng lúa: chiếm 7% thu nhập, tham gia sản xuất nam 60%, nữ 40%, diện tích lúa, trồng 110 ha , nằm ở vùng trũng, xa nguồn nước tưới (ngọt), nằm ở cuối nguồn, hệ thống kênh mương không đảm bảo có 60.02 km (Chiếm 97.1 %)</p> <p>- Nuôi trồng thủy sản chiếm 10%, nam 80%, nữ 10% từ Thg1 đến Thg11, diện tích bờ bao thấp hệ thống giao thông thủy lợi không đảm bảo, thiếu điện công nghiệp phục vụ cho nuôi trồng thủy sản</p> <p>- Đánh bắt thủy sản: Chủ yếu là hoạt động đánh bắt gần bờ, nam 90%, nữ 20%.có 70 thuyền nhỏ, xuống cấp, thiếu trang thiết bị</p> <p>- Chăn nuôi chiếm 4,7% thu nhập, tham gia nam 60%, nữ 40%, chủ yếu chăn nuôi nhỏ lẻ, chuồng trại chưa đảm bảo, hệ thống nước thải kém, chưa có hầm biooga</p> <p>- Hoa màu chiếm 3% thu nhập, tham gia sản xuất nam 30%, nữ 70%, hệ thống kênh mương chưa đảm bảo nên, cơ cấu cây trồng chưa đa dạng. (Chủ yếu trồng ngô và rau).</p> <p>-Tiêu thủ công nghiệp có ngành dệt chiếu, lõi tham gia sản xuất nữ 80%, nam 20% sản xuất cả 12 tháng. Nguồn nguyên liệu không đảm bảo, thị trường không ổn định, lao động chủ yếu là nữ. chưa có kho bảo quản nguyên liệu có ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.</p> <p>- Ngành dịch vụ buôn bán nhỏ nữ tham gia 90%, nam 10%, kinh doanh hộ gia đình, tự phát đường trục chính xuống cấp, ngập nước ảnh hưởng đến giá thành hàng hóa. Xã Nga Tiến là điểm cuối của huyện nên hoạt động buôn bán chưa phát triển mạnh, chủ yếu phục vụ người dân trong xã.</p> <p>- Làm thuê (Thợ xây, công nhân nữ 50%, nam 50%) Chưa có bảo hộ lao động. Chưa được đào tạo nghề chủ yếu là lao động phổ thông nên thu nhập thấp, phương tiện đi lại cá nhân thô sơ dễ bị gặp tai nạn.</p> <p><b>* Tổ chức xã hội:</b></p> <p>- Nghề trồng cói không có bảo hiểm, thị trường trôi nổi, nghề lao động nguy hiểm thu nhập thấp nên người dân có tư tưởng bỏ nghề.</p> <p>- Nghề trồng lúa: Quản lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn hạn chế.</p> <p>- Nghề chăn nuôi: Thị trường không ổn định nên người dân không chăn nuôi để chuồng trồng.</p> <p>- Ngành dệt chiếu chưa có HTX bao tiêu sản phẩm nên đầu ra không ổn định, giá cả bấp bênh</p> <p>- Chưa ưu tiên đầu tư để thực hiện chủ trương phát triển nghề truyền thống.</p> <p>- Lao động làm thuê chưa có bảo hiểm, chưa được tập huấn ngành nghề và PCTT</p> <p>- Quy hoạch nơi nuôi trồng thủy sản chưa đồng bộ, thị trường trôi nổi, giá cả không ổn định</p> <p><b>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</b></p>	<p>phương.</p> <p>- Có một số doanh nghiệp gần địa phương tạo công ăn việc làm cho một số lao động (đặc biệt là lao động nữ)</p> <p>- Hỗ trợ máy bơm nước cho các hộ trồng cói</p> <p>- 1.8 Km mương nổi đảm bảo .</p>	<p>có khi mất trắng</p> <p>- Nghề trồng cói nam bị tai nạn lao động, nữ mắc bệnh phụ khoa</p> <p>- Thủy sản mất con giống, giảm năng suất và có khi mất trắng khi có bão</p> <p>- Thuyền hư hỏng mất ngư lưới cụ khi có bão</p> <p>- Gia súc gia cầm bị chết, bị dịch bệnh khi thiên tai</p> <p>- Lúa và hoa màu mất trắng, giảm năng suất khi có bão lụt</p>
--	--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghề trồng cói vất vả nguy hiểm dễ xảy ra tai nạn, thu nhập thấp nên một số hộ dân muốn bỏ nghề truyền thống; một số hộ dân chưa chủ động chăm sóc và thu hoạch trước mùa thiên tai</li> <li>- Nghề nuôi trồng thủy sản: người dân còn chủ quan thiếu kiến thức, vừa nuôi trồng thủy sản kết hợp với nuôi gia cầm nên ô nhiễm nguồn nước, giảm thu nhập</li> <li>- Nghề trồng lúa: kinh nghiệm sản xuất còn hạn chế do mới chuyển đổi từ trồng cói sang trồng lúa năm 2012.</li> <li>- Chăn nuôi: thiếu kiến thức, chủ yếu là chăn nuôi tự phát không theo khuyến cáo</li> <li>- Sản phẩm không bán được, thu nhập thấp nên người dân có tư tưởng bỏ nghề truyền thống</li> <li>- Lao động làm thuê đang còn chủ quan trọng việc bảo hộ lao động.</li> </ul>	<p><b>* Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trồng cói: Có HTX dịch vụ trồng cói, hỗ trợ máy bơm nước cho các hộ trồng cói</li> <li>- Thủy sản: Đầu tư nâng cấp giao thông thủy lợi, khuyến cáo cho hộ nuôi trồng thủy sản chăm sóc con nuôi.</li> <li>- Trồng lúa: Đã tập huấn kỹ thuật cho người dân, hỗ trợ giống, khuyến cáo về chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh</li> <li>- Chăn nuôi: Tuyên truyền phổ biến kiến thức chăn nuôi, tiêm phòng theo định kỳ.</li> <li>- Từng bước kiên cố hóa kênh mương tưới tiêu</li> <li>- Dịch vụ thương mại được hỗ trợ vay vốn, thành lập các doanh nghiệp, địa phương có cơ chế mở rộng</li> <li>- Khuyến cáo cho người dân về chăm sóc thu hoạch sớm và bảo quản cói, hỗ trợ máy bơm nước cho các hộ</li> </ul> <p><b>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</b> Trồng cói là nghề truyền thống nên có nhiều kinh nghiệm</p>	
		<p><b>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</b></p> <p><b>*Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trạm y tế vẫn còn thiếu một số trang thiết bị phục vụ cho công tác khám chữa bệnh.</li> <li>+ Trình độ người dân thấp: ăn cá gỏi nhiều (Nam 90%, nữ 10%).</li> <li>+ Trạm tự bỏ tiền mua thuốc.</li> <li>+ Hiện nay không được cấp thuốc miễn phí.</li> <li>+ Cán bộ y tế thiếu, chưa có cán bộ có chuyên môn cao. Có 3 y sỹ, thiếu bác sỹ.( Có 1 hộ sinh).</li> <li>+ Cán bộ y tế thôn còn thiếu chưa có chuyên môn, chưa hoạt động hiệu quả.</li> <li>- Thiếu nguồn nước sạch để sinh hoạt: 339 hộ chiếm 27.4%.</li> <li>- 5% chưa có bể chứa nước</li> <li>- Bãi rác chưa đủ sức chứa và còn thiếu.</li> <li>- Hệ thống thoát nước bằng mương đất chưa đảm bảo vệ sinh</li> <li>- Nhà vệ sinh tạm: 566 nhà vệ sinh = 41 %.</li> <li>- 520 hộ dân có nguy cơ không đảm bảo vệ sinh khi có thiên tai</li> <li>- 120 hộ có chuồng trại chăn nuôi không đảm bảo, chưa có hệ thống bioga.</li> <li>- 01 nghĩa trang chưa được xây tường bao; chưa chôn cất đúng quy định, theo quy hoạch.</li> <li>- Thiếu các loại thuốc đặc trị</li> </ul>	<p><b>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</b></p> <p><b>*Vật chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có trạm y tế đang xây dựng 2 tầng với 10 phòng sẽ hoàn thiện và đưa vào sử dụng cuối năm 2018. Có trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh.</li> <li>- Đội ngũ cán bộ y tế trạm đã qua đào tạo, 01 nam, 02 nữ có trình độ cao đẳng và trung cấp. Có khả năng tiếp cận khoa học kỹ thuật, thực hiện đầy đủ các chương trình của y tế, giám sát dịch bệnh và vệ sinh môi trường.</li> <li>- Người dân sử dụng nước sạch: 1035 hộ chiếm 75.3%.</li> <li>- 95% số hộ đã có bể chứa nước</li> <li>- Đã có nơi thu gom rác thải có 1 bãi tập kết rác thải xa dân</li> <li>- 40% nhà vệ sinh tự hoại</li> <li>- 180 hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường.</li> <li>- Đã quy hoạch nghĩa trang gồm 02 khu, 01 khu đã xây dựng tường bao.</li> <li>- Đã dự trữ các loại thuốc khi cần thiết.</li> </ul>	<p><b>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có thiên tai</li> <li>- Nguy cơ dịch bệnh: bệnh tiêu chảy, sốt xuất huyết, bệnh ngoài da, bệnh ung thư, ...</li> <li>- Phụ nữ mắc bệnh phụ khoa, ngoài da, sốt xuất huyết, ...</li> <li>- Nhà vệ sinh hư hỏng, không đảm bảo vệ sinh môi trường khi có thiên tai</li> <li>- Hệ thống thoát nước sạt lở không đảm bảo thoát nước thải</li> </ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lương thực dự trữ ít, chưa đảm bảo</li> <li>- Dịch bệnh bùng phát xảy ra sau thiên tai như: Tiêu chảy, chân tay miệng, đau mắt đỏ</li> <li><b>* Tổ chức xã hội:</b></li> <li>- Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên, người dân không nhiệt tình tham gia ở các buổi tư vấn.</li> <li>- Một số hộ dân xả rác thải bừa bãi không đúng nơi quy định.</li> <li>- Chưa có biện pháp xử phạt những hành vi vi phạm trong lĩnh vực ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Chưa có thùng rác công cộng</li> <li>- Một số bà mẹ đang trong độ tuổi sinh sản và nuôi con nhỏ chưa có ý thức tiêm chủng đầy đủ theo quy định</li> <li>- Mạng lưới y tế cộng đồng chưa được đào tạo chuyên nghiệp</li> <li><b>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</b></li> <li>- Người dân thiếu hiểu biết về sức khỏe VSMT</li> <li>- Chưa có ý thức khám bệnh định kỳ và không mua thuốc theo đơn của bác sĩ.</li> <li>- Chưa quan tâm đến hạn sử dụng của lương thực, thực phẩm</li> <li>- Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng quy định, chưa có phòng hộ đảm bảo.</li> <li>- Chủ quan trong việc chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường .</li> <li>- Chưa có ý thức trong việc thu gom rác thải, còn thải rác bừa bãi ra môi trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có sự hỗ trợ của trung tâm y tế huyện như phun thuốc diệt muỗi tiêu độc, khử trùng nguồn nước</li> <li><b>*Tổ chức xã hội:</b></li> <li>- Đã có công ty VSMT thu gom rác thải 02 lần/tuần vào thứ 2, thứ 5</li> <li>- Các tổ chức, đoàn thể như: Đoàn thanh niên, hội phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ tổ chức tổng dọn vệ sinh môi trường 01 tháng/01 lần/ năm.</li> <li>- Hội Chữ thập đỏ thường xuyên truyền phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân</li> <li>- Trạm y tế: Tiêm chủng định kỳ cho bà mẹ mang thai và trẻ em trong độ tuổi khám sức khỏe định kỳ, tư vấn sức khỏe cho người cao tuổi, người có công với cách mạng.</li> <li><b>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</b></li> <li>- Có kinh nghiệm chăm sóc sức khỏe sau thiên tai</li> <li>- Đa số người dân có ý thức bảo vệ môi trường</li> <li>- Có ý thức dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc trong mùa mưa bão</li> <li>-100% người dân bãi ngang được cấp thẻ BHYT</li> </ul>	
<b>Hạn hán, nhiễm mặn</b>	Nhiệt độ ngày càng tăng cao, có khi lên đến 40 - 42 <sup>0</sup> C, kéo dài hơn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kênh mương không đảm bảo: 60,02 km chiếm 97.1 %.</li> <li>- Trạm bơm công suất thấp không đủ nước tưới cho lúa và hoa màu.</li> <li>- Thiếu nguồn nước ngọt.</li> <li>- Công nước nhỏ chưa đảm bảo giữ nước.</li> <li>- Địa phương không có nguồn kinh phí để xây hồ giữ nước.</li> <li>- Cấp trên chưa quan tâm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kênh mương kiên cố : 1.8 km.</li> <li>- Có 4 trạm bơm phục vụ nước tưới tiêu..</li> <li>- Tuyên truyền nhân dân chống hạn, nhiễm mặn.</li> <li>- Ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ nhiệt tình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kênh mương sạt lở, hư hỏng không đảm bảo tưới tiêu..</li> <li>- Gia súc gia cầm bị chết, bị dịch bệnh.</li> <li>- Thủy sản mất con giống, giảm năng suất.</li> </ul>
<b>Rét đậm, rét hại</b>	Xu hướng ngày càng nhiều, nhiệt độ xuống thấp, kéo dài, xảy ra nhiều	<p><b>2. Sản xuất- kinh doanh:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo</li> <li>- Gieo mạ chưa phủ ni lông</li> <li>- Cói: Kho dự trữ nguyên liệu chưa có</li> <li>- Thủy sản: con giống trôi nổi, không chịu được rét</li> </ul> <p><b>3. Sức khỏe, VSMT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà cửa chưa đảm bảo chống rét</li> <li>- Tỷ lệ người già, trẻ em cao</li> </ul>	<p><b>2. Sản xuất- kinh doanh:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ đã biết che chắn chuồng trại khi có rét</li> <li>- Đã tiêm phòng định kỳ 1 năm 2 lần cho đàn gia súc, gia cầm</li> <li>- Không thả rong gia súc</li> <li>- Thủy sản: đã có sục nước tạo oxi</li> </ul> <p><b>3. Sức khỏe, VSMT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị chống rét cá nhân đã đảm bảo</li> <li>- Trạm y tế đã tiêm phòng cho phụ nữ mang thai và trẻ em</li> <li>- 100% có BHYT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh</li> <li>- Mạ chết, lúa và hoa màu giảm năng suất</li> <li>- Thủy sản giảm năng suất, thu nhập thấp</li> <li>- Nguy cơ các bệnh về đường hô hấp của người già và trẻ em</li> </ul>

**Công cụ 7: Xếp hạng rủi ro thiên tai xã Nga Tiên**

Rủi ro thiên tai	Nhóm HTKT		Cụm xóm 1		Cụm xóm 2		Kiểm chứng		Tổng phiếu của nam nữ		Tổng phiếu toàn xã	Xếp hạng toàn xã
	Nam (09)	Nữ (06)	Nam (18)	Nữ (12)	Nam (16)	Nữ (14)	Nam (18)	Nữ (12)	Nam (61)	Nữ (44)		
Nguy cơ người chết và bị thương khi có bão, lụt	7	3	7	45	19	6	2	0	35	58	<b>93</b>	<b>10</b>
Nhà bị sập, tốc mái khi có bão xảy ra và nhà văn hóa 9/10 xóm nguy cơ sập đổ không an toàn	20	19	15	30	24	14	32	17	91	79	<b>170</b>	<b>1</b>
Có 3,5 km đường trục chính xuống cấp hư hỏng không đảm bảo an toàn	13	9	9	4	32	22	48	15	102	50	<b>152</b>	<b>2</b>
Hệ thống truyền thanh chưa đảm bảo thông tin liên lạc dự báo, cảnh báo khi có bão	7	1	24	20	6	14	3	11	36	49	<b>85</b>	<b>13</b>
Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn còn thiếu không đảm bảo công tác diễn tập và cứu hộ, cứu nạn	9	4	11	23	14	9	12	7	46	44	<b>90</b>	<b>12</b>
Nguy cơ vỡ đê khi có bão cấp 11 trở lên	15	5	9	0	19	10	14	6	55	25	<b>80</b>	<b>15</b>
Khu neo đậu tàu thuyền chưa đảm bảo an toàn cho tàu thuyền trú ẩn khi có bão	8	4	9	0	13	15	4	2	33	27	<b>60</b>	<b>18</b>
Sản phẩm tiêu thủ công nghiệp bị hư hỏng, giá cả không ổn định, không có thị trường đầu ra dẫn đến thu nhập thấp	7	0	9	17	17	11	6	2	37	32	<b>69</b>	<b>16</b>
Lao động nữ nguy cơ bị tai nạn trong lao động và bệnh phụ khoa	7	10	9	21	13	17	32	26	61	74	<b>135</b>	<b>4</b>
Sập đổ lều quán, hư hỏng hàng hóa mất việc làm của người buôn bán nhỏ	8	2	14	1	14	6	7	3	42	16	<b>58</b>	<b>19</b>
Cây cối bị đổ, ngã có khi mất trắng	9	5	9	1	15	21	9	50	92	38	<b>130</b>	<b>6</b>
Hệ thống thoát nước bị sạt lở không đảm bảo thoát nước thải	9	4	13	6	15	6	65	8	101	27	<b>128</b>	<b>8</b>
Thủy sản mất con giống giảm năng suất và có khi mất trắng khi có bão, lụt	9	5	14	26	13	10	53	17	87	58	<b>145</b>	<b>3</b>
Thuyền hư hỏng mất ngư lưới cụ khi có bão	7	6	23	0	13	5	6	5	47	21	<b>68</b>	<b>17</b>
Gia súc, gia cầm chết, dị dịch bệnh khi có thiên tai	6	7	20	9	13	23	8	3	45	46	<b>91</b>	<b>11</b>
Lúa và hoa màu mất trắng, giảm năng suất	7	8	14	2	13	17	35	24	80	51	<b>131</b>	<b>5</b>
Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có bão	10	10	9	8	14	18	32	13	77	51	<b>128</b>	<b>7</b>
Nguy cơ dịch bệnh sau thiên tai	7	5	9	1	15	29	8	5	38	44	<b>82</b>	<b>14</b>
Nhà vệ sinh hư hỏng, không đảm bảo vệ sinh môi	6	7	31	19	10	13	7	3	54	46	<b>100</b>	<b>9</b>

trường khi có thiên tai												
<b>Tổng cộng</b>	<b>171</b>	<b>114</b>	<b>342</b>	<b>228</b>	<b>304</b>	<b>266</b>	<b>342</b>	<b>228</b>	<b>1159</b>	<b>836</b>	<b>1995</b>	

### Công cụ 8: Phân tích nguyên nhân xã Nga Tiên

TT	Rủi ro thiên tai	TTDBTT	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Nhà bị sập, tốc mái khi có bão xảy ra và nhà văn hóa 9/10 xóm nguy cơ sập đổ không an toàn cho sinh hoạt cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà ở bán kiến cố: 600 hộ</li> <li>- Nhà tạm bợ và thiếu kiên cố rủi ro cao: 220 hộ.</li> <li>- Nhà ở vùng rủi ro cao (Sát biển, ngoài đê) 52 hộ</li> <li>- Thiếu nhân lực để chằng chống trước mùa thiên tai, toàn xã có phụ nữ đơn thân, phụ nữ trụ cột gia đình (Riêng xóm 10 có đến 73 phụ nữ đơn thân)</li> <li>- Nhà văn hóa 9 xóm thiếu kiên cố đã xuống cấp do không có tiền nâng cấp, xây mới</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hộ nghèo không có việc làm ổn định, thu nhập thấp, một số hộ bị bệnh hiểm nghèo, phụ nữ đơn thân, phụ nữ nuôi con nhỏ nên không có kinh phí để nâng cấp sửa chữa, xây mới nhà ở</li> <li>- Một số hộ nghèo do thiếu kiến thức, nhưng cũng có những hộ có tư tưởng ỉ lại "không muốn thoát nghèo"</li> <li>- Lao động đi làm thuê chưa được tập huấn, đào tạo nghề chủ yếu lao động thủ công nên thu nhập thấp đặc biệt là phụ nữ ít được đi tập huấn (Tham gia tập huấn chủ yếu là nam 90%, nữ chỉ 10%)</li> <li>- Đội cứu hộ, cứu nạn thiếu trang thiết bị và chưa được tập huấn kỹ năng nên cũng hạn chế đến việc hỗ trợ cho đối tượng DBTT khi có thiên tai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ xây nhà cho các hộ có nhà thiếu kiên cố và nhà tạm bợ (220 nhà)</li> <li>- Hỗ trợ xây dựng 9 nhà văn hóa để đảm bảo an toàn cho sinh hoạt cộng đồng</li> <li>- Sơ tán di dời những người sống trong các nhà ở thiếu kiên cố, nhà tạm bợ, các nhà ở vùng nguy cơ cao (ở sát biển, ngoài đê) đến nơi an toàn</li> <li>- Tuyên truyền về PCTT, chằng chống nhà cửa, ...</li> <li>- Cùng cố nâng cấp hệ thống đê đảm bảo an toàn cho người dân sống ven đê, sát biển</li> <li>- Tập huấn chuyên giao KHKT, đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người dân đặc biệt là phụ nữ</li> <li>- Hỗ trợ mua sắm các trang thiết bị và tập huấn kỹ năng cho đội cứu hộ, cứu nạn</li> </ul>
2	3,5 km đường trục chính xuống cấp hư hỏng không đảm bảo an toàn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nền đường yếu phương tiện giao thông đi lại nhiều lưu thông thường xuyên</li> <li>- Lụt kéo dài và ngập úng ngấm lâu làm yếu nền đường.</li> <li>- Đường giao thông không có hệ thống thoát nước nên nước ứ đọng đường dễ bị hư hỏng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xã không có ngân sách để duy tu, bảo dưỡng hằng năm</li> <li>- Quy hoạch không đồng bộ, các cơ quan chức năng không phối hợp chặt chẽ nên đơn vị này vừa làm xong đơn vị khác lại đào xới, ...</li> <li>- Ý thức của người dân kém, trồng cây, xây dựng lán, trại lán đường giao thông</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ nâng cấp 3,5 km đường trục chính và 05 cầu để đảm bảo đi lại an toàn cho người dân</li> <li>- Xây dựng hệ thống thoát nước hai bên đường</li> <li>- Xử lý nghiêm minh những đối tượng vi phạm lấn chiếm hành lang ATGT</li> </ul>
3	Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có bão	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa hình cuối nguồn khi có bão rác thải đổ về</li> <li>- Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo vệ sinh, 50% xả nước thải trực tiếp ra môi trường.</li> <li>- Sản phẩm phụ sau thu hoạch</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kênh mương tiêu thoát nước chưa kiên cố, có nơi không có</li> <li>- Chăn nuôi nhỏ lẻ, chủ yếu là ở các hộ gia đình nên chuồng trại còn tạm bợ, không có hệ thống xử lý nước thải.</li> <li>- Ý thức người dân còn kém chưa tự giác, còn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân</li> <li>- Tăng cường các hình thức xử phạt những hành vi vi phạm về môi trường</li> <li>- Tổ chức phong trào VSMT, khơi thông cống rãnh chợ các đoàn thể, trường học thường xuyên</li> <li>- Mua sắm thùng rác nơi công cộng</li> </ul>

		(rom, rác, cối) xả ra môi trường. - 40% nhà vệ sinh tạm bợ - Rác thải sinh hoạt, xác động vật chết xả xuống sông và vớt bừa bãi ra môi trường	vớt rác bừa bãi. - Không có thùng rác nơi công cộng	- Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh cho các hộ nghèo và làm hầm bioga cho các hộ chăn nuôi
4	Phụ nữ bị tai nạn lao động và bệnh phụ khoa	- 60% lao động nữ làm công việc nặng nhọc vất vả, nguy hiểm do tham gia tập huấn còn ít, chưa được đào tạo nghề, chủ yếu lao động phổ thông, thu nhập thấp - 90% phụ nữ bị bệnh phụ khoa do làm ruộng, làm cối, thường xuyên bị ngập nước sâu, đĩa chui vào vùng kín.	- Nhiều phụ nữ đơn thân đông con không có việc làm, thiếu kiến thức, kỹ năng - Chồng đi làm ăn xa phải đảm nhiệm mọi việc trong gia đình - Vẫn đang còn định kiến xã hội: + Phải sinh nhiều con do không có con trai + Định kiến tôn giáo không được nạo phá thai + Mọi quyết định trong nhà do nam "Đàn ông trên nhà, đàn bà dưới bếp" - Hội phụ nữ tuyên truyền bình đẳng giới còn hạn chế, kinh phí hoạt động không có - Một số chị em phụ nữ còn tự ti không dám đấu tranh	- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho phụ nữ - Tập huấn nâng cao nhận thức, và tập huấn chuyên giao KHKT về sản xuất, chăn nuôi, đào tạo nghề cho phụ nữ - Tuyên truyền cho nam giới về luật hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới - Tạo công ăn việc làm tăng thu nhập, ưu tiên những ngành nghề phù hợp với phụ nữ.
5	Lúa và hoa màu mất mùa giảm năng suất khi có thiên tai	- Địa hình gần biển dễ bị nhiễm mặn, 113 ha lúa nằm ở cuối nguồn, xa nguồn cung cấp nước ngọt - Hệ thống kênh mương nội đồng 80% chưa kiên cố hóa - Đồng ruộng manh mún nhỏ lẻ chưa áp dụng KHKT - Mới chuyên đổi cây trồng, thiếu kinh nghiệm chăm sóc còn hạn chế	- Diện tích trồng lúa chưa được quy hoạch "mẫu lớn". - Xã còn thiếu kinh phí để nạo vét thường xuyên và xây mương nội (Kiên cố) - HTX năng lực yếu, chưa bao tiêu sản phẩm chủ yếu là người dân tự cung, tự cấp - Sử dụng giống mới chưa đồng bộ. - Có tập huấn nhưng chưa được nhiều, chủ yếu là nam tham gia, nữ ít được tham gia (10%) - Thuốc bảo vệ thực vật trôi nổi, người dân sử dụng bừa bãi chưa theo khuyến cáo	- Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn để áp dụng KHKT - Đầu tư nâng cấp hệ thống kênh mương nội đồng - Tập huấn chuyên giao KHKT cho người dân đặc biệt là phụ nữ - Quản lý chặt chẽ về giống, phân bón thuốc bảo vệ thực vật - Nâng cao năng lực cho HTX để quản lý vật tư nông nghiệp và tạo đầu ra cho sản phẩm
6	Cây cối bị đổ ngã có khi mất trắng	- Cánh đồng cối 109 ha cuối nguồn xa nguồn cung cấp nước ngọt - Có chủ trương từ tỉnh xuống xã phát triển nghề truyền thống nhưng chưa hỗ trợ, quan tâm để phát triển	- Hệ thống kênh mương chưa kiên cố - Thị trường trôi nổi không có đầu ra - Nghề nguy hiểm, vất vả dễ xảy ra tai nạn lao động - Tư tưởng người dân muốn bỏ nghề, nếu không có sự hỗ trợ sẽ mất nghề truyền thống	- Nâng cao năng lực cho HTX để tìm đầu ra cho sản phẩm - Hỗ trợ máy móc, kỹ thuật để thu hoạch bảo quản cối - Quy hoạch tổng thể vùng chuyên cối - Đào tạo nhiều ngành nghề thủ công mỹ nghệ và tìm đầu ra cho sản phẩm
7	Nuôi trồng thủy sản	- 95 ha nuôi trồng thủy sản chưa	- Con giống trôi nổi, kỹ thuật nuôi còn hạn	- Quy hoạch vùng chuyên canh nuôi trồng thủy hải

<p>mất con giống; mất sản lượng. Đánh bắt thủy sản hư hỏng tàu thuyền, mất ngư lưới cụ, mất thu nhập.</p>	<p>quy hoạch và đang tự phát chuyển đổi - Hệ thống giao thông thủy lợi, cấp thoát nước chưa riêng biệt. - Hệ thống bờ bao thấp dễ bị sạt lở. - 70 tàu thuyền nhỏ công suất 15-24CV đi đánh bắt chưa có bảo hộ, thiếu trang thiết bị thông tin liên lạc chủ yếu đánh bắt gần bờ - Nơi neo đậu tàu thuyền chưa đảm bảo an toàn</p>	<p>chế, thiếu kiến thức - Nuôi trồng thủy sản kết hợp chăn nuôi gia cầm nên môi trường bị ô nhiễm - Hệ thống bờ bao dễ bị sạt lở do gần đê, đê không có cây rừng bảo vệ - Thuốc xử lý trị bệnh còn trôi nổi, người dân sử dụng còn chưa đúng khuyến cáo - Thiếu nguồn vốn đầu tư, đa số nuôi quảng canh - Thiếu điện công nghiệp ba pha để vận hành máy tạo ôxi - Sản phẩm đánh bắt tự cung tự cấp không có đầu ra nên thu nhập thấp.</p>	<p>sản - Tập huấn kỹ thuật, kiến thức cho các hộ nuôi trồng - Đầu tư, xây dựng công trình thủy lợi và trạm điện ba pha - Khuyến cáo về lựa chọn con giống, thuốc bảo vệ thực vật - Hỗ trợ vay vốn đóng tàu đánh bắt xa bờ - Nâng cấp nơi neo đậu tàu thuyền - Tạo đầu ra cho sản phẩm - Hỗ trợ hệ thống thông tin liên lạc như bộ đàm, định vị, radio - Trồng cây ven chân đê để vừa bảo vệ đê, vừa bảo vệ hệ thống bờ bao thủy sản.</p>
---	--	---	--

### Công cụ 9: Tổng hợp giải pháp PCTT xã Nga Tiên

Giải pháp PCTT	Nhóm HTKT		Cụm xóm 1		Cụm xóm 2		Kiểm chứng		Tổng phiếu của nam/ nữ		Tổng phiếu Toàn xã	Xếp hạng toàn xã
	Nam (9)	Nữ (6)	Nam	Nữ	Nam (16)	Nữ (14)	Nam (18)	Nữ (12)	Nam (43)	Nữ (32)		
Sơ tán người dân vùng nguy cơ cao và các nhà ở tạm bợ bán kiên cố đến nơi an toàn khi có bão	17	8			18	31	37	17	72	56	128	1
Hỗ trợ xây nhà ở cho 220 hộ nhà tạm bợ và thiếu kiên cố và 09 nhà văn hóa thôn	19	9			9	16	47	9	75	44	119	2
Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT, VSMT, CSSK	16	8			5	21	18	30	56	59	115	4
Tập huấn chuyên gia KHKT về chăn nuôi và trồng trọt về chăn nuôi trồng trọt và đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho người dân	17	8			5	10	15	28	67	46	113	5
Mua sắm trang thiết bị và tập huấn kỹ năng cho đội cứu hộ, cứu nạn, đội xung kích Chử thập đỏ	15	7			6	10	11	29	52	46	98	8
Hỗ trợ nâng cấp 3,5 km đường trục chính và 05 cầu đê đảm bảo an toàn cho người dân và giao thông nội đồng phục vụ sản xuất	10	7			4	17	18	25	52	49	101	7
Xây dựng hệ thống thoát nước hai bên đường và hệ thống tiêu thoát nước thải ở các hộ dân cư	10	8			9	21	21	24	50	43	93	10
Hỗ trợ xây nhà vệ sinh cho các hộ nghèo và làm hầm bioga cho các hộ chăn nuôi	5	7			5	15	8	3	18	39	57	12
Mua sắm thùng rác nơi công cộng và xử phạt nghiêm hành vi vi	13	7			8	9	10	2	31	18	49	13

phạm VSMT												
Tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức và chuyển giao KHKT cho phụ nữ, tạo công ăn việc làm cho phụ nữ	11	7				23	49	13	58	40	<b>98</b>	<b>9</b>
Tuyên truyền cho nam và nữ về luật hôn nhân gia đình và bình đẳng giới để giảm bất bình đẳng giới	5	6				8	8	13	13	9	<b>22</b>	<b>17</b>
Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn, chuyển giao KHKT cho nghề trồng lúa	5	1			21	21	48	14	74	36	<b>110</b>	<b>6</b>
Đầu tư nâng cao các hệ thống kênh mương nội đồng để đảm bảo nước tưới cho lúa và hoa màu, cói	2	6			7	10	17	2	26	14	<b>40</b>	<b>14</b>
Nâng cao năng lực cho HTX để quản lý vật tư nông nghiệp và tạo đầu ra cho sản phẩm lúa, hoa màu, cây cói, thủy sản	5	4					7	1	12	5	<b>17</b>	<b>19</b>
Hỗ trợ máy móc kỹ thuật để thu hoạch và đảm bảo nguyên liệu cói, quy hoạch tổng thể vùng chuyên canh cói để duy trì nghề truyền thống	4	4			5	9	7	3	16	16	<b>32</b>	<b>16</b>
Quy hoạch vùng chuyên canh nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình thủy lợi, trạm điện 3 pha để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản	5	0			22	17	18	21	45	45	<b>90</b>	<b>11</b>
Hỗ trợ vay vốn đóng tàu thuyền, đánh bắt xa bờ và hỗ trợ hệ thống thông tin liên lạc, bộ đàm, định vị, radio, ...	5	2			9	9	8	4	22	15	<b>37</b>	<b>15</b>
Nâng cấp nơi neo đậu tàu thuyền để đảm bảo nơi tránh trú an toàn cho tàu thuyền đánh bắt thủy sản	4	5					6	5	10	10	<b>20</b>	<b>18</b>
Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng dễ bị tổn thương khám và điều trị bệnh phụ khoa miễn phí cho phụ nữ	3	10			7	10	40	25	73	45	<b>118</b>	<b>6</b>
Trồng rừng ngập mặn phía ngoài đê Ngự Hàm 3, sát sông Càn	9	6					8	5	8	5	<b>13</b>	<b>20</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>171</b>	<b>114</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>320</b>	<b>280</b>	<b>360</b>	<b>240</b>	<b>860</b>	<b>640</b>	<b>1500</b>	

\* Cụm xóm 1: do người dân đến muộn nên buổi chiều tối quá không kịp xếp hạng giải pháp PCTT

#### Công cụ 10. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

TT	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian		Nguồn ngân sách dự kiến		
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	Nhà nước	Người dân	Hỗ trợ bên ngoài
1	Hỗ trợ xây nhà ở cho 220 hộ nhà tạm bợ và thiếu kiên cố và 9 nhà văn hóa thôn	220 hộ dân và người dân 9 thôn	1. Hỗ trợ xây dựng 120 nhà tạm bợ	x		10%	50%	GCF 40%
			2. Hỗ trợ xây dựng 100 nhà tạm bợ, thiếu kiên cố		x	10%	50%	GCF 40%
			3. Hỗ trợ xây nhà văn hóa 9 thôn		x		70%	GCF 30%
2	Sơ tán di dời những người sống	Người dân vùng	1. Hỗ trợ sơ tán đối tượng DBTT	x		100%		



	trong các nhà ở thiếu kiên cố, nhà tạm bợ, các nhà ở vùng nguy cơ cao (ở sát biển, ngoài đê) đến nơi an toàn	nguy cơ cao và các nhà tạm bợ	2.Tổ chức sơ tán các hộ dân vùng nguy cơ cao	x		50%	50%	
			3. Hỗ trợ mỳ tôm nước uống nơi sơ tán	x		100%		
			4.Vệ sinh môi trường sau thiên tai	x		30%	70%	
3	Tập huấn chuyên giao KHKT về chăn nuôi trồng trọt, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho người dân	Toàn xã	1.Tập huấn chuyên giao KHKT về trồng lúa và chăn nuôi		x	50%	20%	GCF 30%
			2. Đào tạo nghề cho lực lượng lao động		x	100%		
			3. Giới thiệu việc làm cho người dân		x	100%		
4	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT, VSMT, CSSK	Toàn xã	1.Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh	x	x	100%		
			2. Tuyên truyền qua các hoạt động của cộng đồng và ban, ngành, đoàn thể	x	x	50%	50%	
			3. Tuyên truyền bằng Pano, áp phích		x			GCF100%
			4. Diễn tập PCTT	x		30%	20%	GCF 50%
			5. Lồng ghép qua các hoạt động văn hóa văn nghệ	x	x	50%	50%	
			6. Tập huấn PCTT cho người dân và học sinh các trường học	x		30%	20%	GCF 50%
5	Mua sắm trang thiết bị và tập huấn kỹ năng cho đội cứu hộ, cứu nạn, đội xung kích Chũr thập đỏ	Đội xung kích CTĐ, đội cứu hộ, cứu nạn xã, thôn	1. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, sơ cấp cứu	X		30%		GCF 70%
			2.Tập huấn kỹ năng cho đội xung kích CTĐ và sơ cấp cứu	x		30%		GCF 70%
6	Mua sắm thùng rác nơi công cộng và xử phạt nghiêm minh hành vi vi phạm VSMT	Người dân toàn xã	1. Mua sắm thùng rác các nhà văn hóa và nơi công cộng	x		70%	30%	
			2.Kiểm tra, giám sát và xử phạt nghiêm minh hành vi vi phạm về VSMT	x	x	100%		
7	Tập huấn nâng cao năng lực nhận thức và chuyên giao KHKT tạo công ăn việc làm cho phụ nữ	Phụ nữ toàn xã	1.Tổ chức tập huấn về PCTT, chuyên giao KHKT, chăn nuôi sản xuất	x		100%		
			2.Giới thiệu việc làm cho phụ nữ		x	100%		
8	Xây dựng hệ thống thoát nước 2 bên đường và hệ thống tiêu thoát nước thải ở các khu dân cư	Toàn dân	1. Xây dựng hệ thống thoát nước 2 bên đường trục chính		x	100%		
			2. Xây dựng hệ thống nước thải trong khu dân cư 10/10 xóm		x	50%	50%	
			3. Xử phạt nghiêm minh hành vi lấn chiếm hành lang an toàn giao thông	x	x	100%		
9	Hỗ trợ nâng cấp 3,5 km đường chính và 05 cầu đảm bảo an toàn đi lại cho người dân và giao thông nội	Người dân toàn xã	1. Hỗ trợ nâng cấp 3,5 km đường trục chính		x	100%		
			2. Nâng cấp 05 cầu trên tuyến đường		x	100%		

	đồng phục vụ sản xuất		trực chính						
			3. Xây dựng hệ thống giao thông nội đồng phục vụ sản xuất		x	50%	50%		
10	Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng DBTT và khám điều trị bệnh phụ khoa miễn phí cho phụ nữ	Phụ nữ và đối tượng DBTT	1. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng dễ bị tổn thương	x			30%	70%	
			2. Khám điều trị phụ khoa miễn phí cho phụ nữ	x			50%	50%	
11	Hỗ trợ xây nhà vệ sinh cho các hộ nghèo và làm hầm bioga cho các hộ chăn nuôi	Hộ nghèo và hộ chăn nuôi toàn xã	1. Hỗ trợ 200 hộ nghèo làm nhà vệ sinh	x		30%	20%	50%	
			2. Hỗ trợ 200 hộ chăn nuôi làm hầm bioga	x		80%	20%		
12	Tuyên truyền cho nam giới và nữ giới về luật hôn nhân gia đình và bình đẳng giới để giảm bất bình đẳng giới	Nam/ nữ toàn xã	1. Tổ chức tập huấn cho nam và nữ về luật hôn nhân gia đình		x	100%			
			2. Tuyên truyền cho nam, nữ về luật hôn nhân gia đình và bình đẳng giới	x	x	100%			
13	Hỗ trợ máy móc kỹ thuật để thu hoạch và bảo quản nguyên liệu cói, quy hoạch tổng thể ngành chuyên canh để duy trì nghề chiếu cói truyền thống	Các hộ dân làm nghề và HTX	1. Quy hoạch vùng chuyên canh cánh đồng cói		x	100%			
			3. Hỗ trợ máy móc kỹ thuật để thu hoạch và bảo quản nguyên liệu cói		x	50%	50%		
			4. Vay vốn đầu tư phát triển nghề truyền thống		x	100%			
14	Nâng cấp nơi neo đậu tàu thuyền để đảm bảo tránh trú an toàn cho tàu thuyền	Ngư dân	1. Lập tờ trình kiến nghị tỉnh	x		100%			
			2. Nâng cấp nơi neo đậu tàu thuyền đảm bảo cho thuyền tránh trú		x	100%			
15	Đầu tư nâng cao các hệ thống kênh mương nội đồng để đảm bảo nước tưới cho lúa và hoa màu, cói	Toàn xã	1. Nạo vét kênh mương, phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh	x		100%			
			2. Xây dựng hệ thống kênh mương nội đồng		x	30%	20%	50%	
16	Nâng cao năng lực cho HTX để quản lý vật tư nông nghiệp và bao tiêu sản phẩm cho lúa, hoa màu, cói, thủy sản	Toàn xã	1. Nâng cao năng lực cho HTX	x		100%			
			2. Liên hệ với các siêu thị, nhà hàng để bao tiêu sản phẩm		x	100%			
			3. Thu mua cói, thủy sản, nông sản tạo đầu ra cho người dân		x	100%			

17	Hỗ trợ vay vốn đánh bắt xa bờ và hỗ trợ hệ thống thông tin liên lạc	Các hộ đánh bắt thủy sản	1. Hỗ trợ hệ thống thông tin liên lạc cho các thuyền đánh bắt cá, radio, bộ đàm, định vị	x		100%		
			2. Hỗ trợ áo phao, phao cứu sinh cho các thuyền đánh bắt	x		100%		
			3. Hỗ trợ vay vốn đóng thuyền đánh bắt xa bờ		x	100%		
18	Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn chuyên giao KHKT cho nghề trồng lúa	Toàn xã	1. Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn		x	100%		
			2. Tập huấn chuyên giao KHKT cho nghề trồng lúa	x		50%		50%
			3. Tuyên truyền vận động người dân thực hiện	x	x	100%		
19	Quy hoạch vùng chuyên canh nuôi trồng thủy sản, đầu tư công trình thủy lợi trạm điện ba pha để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản	Toàn xã, các hộ nuôi trồng thủy sản	1. Quy hoạch vùng chuyên canh		x	100%		
			2. Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi		x	50%	50%	
			3. Xây dựng trạm điện ba pha		x	100%		
			4. Tập huấn kỹ thuật chăm sóc và chọn con giống	x		50%	50%	
20	Trồng RNM ven đê biển (Ngự Hàm 3)	Toàn xã	1. Khảo sát lại 21 ha diện tích đất trồng RNM	x		100%		
			2. Kiến nghị cấp trên quy hoạch vùng trồng RNM	x		100%		
			3. Tổ chức trồng RNM		x	20%	10%	GCF70%

#### Hiện trạng và các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu (Thảo luận với người dân)

Biểu hiện của BĐKH	Kéo theo các hiện tượng thời tiết cực đoan/ các nguy cơ gì	Các vùng bị ảnh hưởng	Các lĩnh vực khía cạnh bị ảnh hưởng (3 khía cạnh, 3 lĩnh vực)	Những rủi ro BĐKH gây ra	Giải pháp (*)	
					Giảm nhẹ RRTT và thích ứng	Việc giảm phát thải khí nhà kính (tiết kiệm năng lượng)
Nhiệt độ tăng	Nắng gắt có gió Lào	Trồng cói, lúa, thủ sản 10/10 xóm	Nông nghiệp Thủy sản	Cói, lúa, thủy mát trắng Dịch bệnh gia tăng ở người và động vật	- Kiên cố hóa hệ thống kênh mương để đảm bảo nước tưới cho cây trồng. - Vệ sinh môi trường	- Chăm sóc cói lúa bằng phân bón hữu cơ - Giảm thuốc bảo vệ thực vật - Chuyên canh thủy sản - Không đốt rơm rạ, đào hố ủ bổi làm phân bón

Lượng mưa tăng vào mùa hè, giảm mùa đông xuân	Ngập lụt	10/10 xóm	- Chết người - Cói, lúa, thủy sản, chăn nuôi	- Cây cói, lúa mất trắng - Gia súc chết dịch bệnh - Ô nhiễm môi trường	- Kiên cố hệ thống kênh mương, chuồng trại - Tập huấn KHKT	- Thu gom rác thải, vệ sinh môi trường - Tiết kiệm điện nước, chất đốt
Nước biển dâng	- Phá vỡ sinh thái - Mất rừng ngập mặn - Vỡ đê	10/10 xóm	Nuôi trồng thủy sản	Mất trắng	- Hỗ trợ bờ bao - Có trạm bơm	- Chuyên canh vùng thủy sản - Dùng thuốc bảo vệ thực vật đúng quy định
Bão gia tăng	- Tàn phá mạnh	10/10 xóm	Tất cả các lĩnh vực	- Mất trắng - Chết người	- Kênh mương, đê điều - Tập huấn KHKT	- Trồng rừng ngập mặn
Nhiễm mặn	Mất nhiều diện tích	10/10 xóm	- Nuôi trồng thủy sản - Trồng trọt	- Mất trắng - Ruộng bỏ hoang	- Củng cố đê công, ngăn mặn - Khử chua (vôi) rửa mặn - Hỗ trợ giống	- Trồng rừng ngập mặn

#### Phụ lục 4. Một số hình ảnh CBDRM\_A xã Nga Tiến

\*Một số hình ảnh lớp tập huấn từ ngày 11/6 đến 14/6/2018





**\*Một số hình ảnh Đánh giá RRTT-DVCD từ ngày 18/6 đến 21/6/2018**





